

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đàm Thị Hiên
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN GÓM ĐẤT VIỆT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Đàm Thị Hiên

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đàm Thị Hiên

Mã SV:1412401176

Lớp: QT1806K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. vừa và nhỏ.
 - Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Gốm Đất Việt.
 - Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Gốm Đất Việt, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu năm 2017.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ:	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ:	2
1.1.2. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:	2
1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ:	8
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ:.....	9
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	9
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán:	11
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính:.....	15
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh:	18
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác:	20
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:	22
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ:	23
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung:	24
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái:.....	25
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:.....	27
1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính:.....	28
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GỐM ĐẤT VIỆT	30
2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần Gốm Đất Việt:	30
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển:	30
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt:	31

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt:.....	33
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt:.....	36
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty:	36
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt:.....	45
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh:.....	53
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính:.....	59
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác:	63
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:	63
CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GỐM ĐẤT VIỆT.....	73
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt: ..	73
.....	73
3.1.1. Ưu điểm.....	73
3.1.2. Hạn chế.....	74
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:	74
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh:.....	75
3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt.....	75
3.4.1. Kiến nghị 1:	75
3.4.2. Kiến nghị 2:	79
3.4.3. Kiến nghị 3:	86
KẾT LUẬN.....	89
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	90

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 – Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu:	10
Sơ đồ 1.2 – Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	13
Sơ đồ 1.3 – Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	14
Sơ đồ 1.4 – Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	17
Sơ đồ 1.5 – Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh	19
Sơ đồ 1.6 – Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác	21
Sơ đồ 1.7 – Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh	23
Sơ đồ 1.8 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung	25
Sơ đồ 1.9 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	26
Sơ đồ 1.10 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	28
Sơ đồ 1.11 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên Máy vi tính.....	29
Sơ đồ 2.1 – Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt:	31
Sơ đồ 2.2 – Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Gốm Đất Việt.....	33
Sơ đồ 2.3 – Hình thức kế toán Nhật ký chung tại Công ty CP Gốm Đất Việt	35
Sơ đồ 2.4 – Quy trình hạch toán doanh thu tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt	37
Sơ đồ 2.5 – Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt.....	46
Sơ đồ 2.6 – Quy trình hạch toán chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt	53
Sơ đồ 2.7 – Quy trình hạch toán hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt	59
Sơ đồ 2.8 – Quy trình xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt	63
Sơ đồ 2.9 – Xác định kết quả kinh doanh năm 2017 của công ty	64

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1 – Hóa đơn GTGT 0000768.....	39
Biểu số 2.2 – GBC ngày 06/10/2017 Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	40
Biểu số 2.3 – Phiếu thu số 26/10	41
Biểu số 2.4 – HĐ GTGT 0000779.....	42
Biểu số 2.5 – Sổ nhật ký chung (trích)	43
Biểu số 2.6 – Sổ cái TK511 (trích)	44
Biểu số 2.7 – Phiếu xuất kho số 07/10.....	49
Biểu số 2.8 – Phiếu xuất kho số 36/10.....	50
Biểu số 2.9 – Sổ Nhật ký chung (trích)	51
Biểu số 2.10 – Sổ cái TK 632 (trích)	52
Biểu số 2.11 – Hóa đơn dịch vụ viễn thông.....	55
Biểu số 2.12 – Phiếu chi số 15/10	56
Biểu số 2.13 – Sổ Nhật ký chung (trích)	57
Biểu số 2.14 – Sổ cái TK 642 (trích)	58
Biểu số 2.15 – GBC 25/10 – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	60
Biểu số 2.16 – Sổ Nhật ký chung (trích)	61
Biểu số 2.17 – Sổ cái TK 515 (trích)	62
Biểu số 2.18 – Phiếu kế toán số 25/12.....	65
Biểu số 2.19 – Phiếu kế toán số 26/12.....	65
Biểu số 2.20 – Phiếu kế toán số 27/12.....	66
Biểu số 2.21 – Phiếu kế toán số 28/12.....	66
Biểu số 2.22 – Phiếu kế toán số 29/12.....	67
Biểu số 2.23 – Sổ Nhật ký chung (trích)	68
Biểu số 2.24 – Sổ cái TK911	69
Biểu số 2.25 – Sổ cái TK821	70
Biểu số 2.26 – Sổ cái TK421	71
Biểu số 2.27 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	72
Biểu số 3.1 - Bảng báo giá phần mềm kế toán MISA SME.NET2017	78
Biểu số 3.2 – Sổ chi tiết bán hàng	80
Biểu số 3.3 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh	81
Biểu số 3.4 – Sổ chi tiết bán hàng Gạch lát nền	83
Biểu số 3.5 – Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh	84
Biểu số 3.6 – Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh	85
Biểu số 3.7 – Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2017.....	87
Biểu số 3.8 – Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi.....	88

LỜI MỞ ĐẦU

Trong hệ thống các công cụ quản lý thì kế toán là một trong những công cụ quản lý hữu hiệu nhất. Nó là nguồn thông tin, số liệu đáng tin cậy để nhà nước điều hành nền kinh tế, kiểm tra và kiểm soát hoạt động của các ngành, các khu vực.

Trong nền kinh tế hiện nay thì xu hướng tất yếu chung của cá nhà đầu tư, các chủ doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ đều hướng tới mục tiêu là đạt được lợi nhuận. Họ rất quan tâm đến kết quả cuối cùng trong một thời gian (tháng, quý, năm) mà họ đã bỏ vốn ra để đầu tư kinh doanh, sản xuất. Điều đó dẫn đến bộ phận kế toán tại doanh nghiệp phải theo dõi sát quá trình mua bán hàng cho đến khi xác định kết quả kinh doanh để hoạch toán nhanh chóng, đầy đủ kịp thời, chính xác. Thực hiện tốt quá trình này sẽ giúp doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh, bù đắp chi phí, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước, đầu tư phát triển, nâng cao đời sống lao động.

Hệ thống kế toán tại các đơn vị đóng vai trò rất quan trọng, đặc biệt đối với các công ty kinh doanh theo lĩnh vực thương mại thì việc mua bán hàng và xác định kết quả kinh doanh mang tính cấp thiết.

Với nhận thức đó, từ những kiến thức chuyên ngành đã học tại trường cùng với sự giúp đỡ của Thạc sỹ Nguyễn Thị Mai Linh, kết hợp với việc tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt nên em đã quyết định chọn đề tài nghiên cứu **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt”** làm đề tài khóa luận của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt.

Do trình độ lý luận và thời gian tiếp cận còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đàm Thị Hiền

CHƯƠNG I:**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ****1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ:****1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ:**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu hóa chi phí). Các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận của một doanh nghiệp chính là doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí. Do đó, việc tổ chức công tác kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng một vai trò vô cùng quan trọng.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ cần thiết đối với các nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác nhau trong nền kinh tế quốc dân.

+ Đối với nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp từ đó đưa ra quyết định đầu tư hợp lý.

+ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay bao nhiêu và trong bao lâu.

+ Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, xác định đúng số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp cho nhà nước.

1.1.2. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:**1.1.2.1. Doanh thu:**

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ

trường tài chính, doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn của chủ sở hữu.

Các loại doanh thu:

• *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,...) nếu có.

Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- + Xác định được chi phí có liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng.

+ *Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp:* theo phương thức này, người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ *Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý:* Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

+ *Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng:* Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

+ *Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp:* là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, khách hàng được trả chậm tiền hàng và phải chịu một phần lãi trả chậm theo một tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả quá trình mua bán, cung cấp dịch vụ hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch và cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn cả 4 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính.
- + Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

• **Doanh thu thuần:** là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- *Chiết khấu thương mại:* là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận.
- *Giảm giá hàng bán:* là số tiền giảm trừ do bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- *Hàng bán bị trả lại:* là giá trị của hàng hóa, sản phẩm bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.
- *Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp):* thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.
- *Thuế tiêu thụ đặc biệt:* là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
- *Thuế xuất khẩu:* là loại thuế gián thu đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

• **Doanh thu hoạt động tài chính:**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ,...

- Cổ tức lợi nhuận được chia.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.

- Lãi tỷ giá hối đoái.

- Chênh lệch do bán ngoại tệ.

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

* Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia.

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

+ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

+ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

• **Thu nhập khác**

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về nhượng bán TSCĐ, thanh lý TSCĐ.

- Thu từ tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng.

- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập.

- Các khoản thu khác.

1.1.2.2. Chi phí:

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Các loại chi phí:

- **Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hóa đơn đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- **Chi phí quản lý kinh doanh:** là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành,... Và các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp,...

- **Chi phí hoạt động tài chính:** là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn,...

- **Chi phí khác:** là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.

- Các khoản chi phí khác.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận từ năm trước.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế × Thuế suất thuế TNDN

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

+ *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý kinh doanh.

+ *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.

+ *Kết quả hoạt động khác*: là số chênh lệch giữa các khoản doanh thu khác và các khoản chi phí khác.

+ *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*: là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng lợi} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Lợi nhuận} \\ \text{nhuận kế toán} & = & \text{hoạt động} & + & \text{hoạt động tài} & + & \text{nhuận} \\ \text{trước thuế} & & \text{SXKD} & & \text{chính} & & \text{khác} \end{array}$$

+ *Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

+ *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Thuế TNDN phải nộp}$$

1.1.3. Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vừa và nhỏ:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã,... đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.
- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh.
- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động bất thường.
- Phải theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập các báo cáo tài chính.
- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Xác định và tập hợp đầy đủ giá vốn, chi phí bán hàng, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận. Từ đó đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo để có những việc làm cụ thể phù hợp với thị trường.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ:

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng.
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận.
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có.
- Các chứng từ khác có liên quan: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại.

lại.

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- + Bán hàng: bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.
- + Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã được thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như dịch vụ vận tải, du lịch,...

Tài khoản 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tiểu khoản:

- + Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5112 – Doanh thu bán thành phẩm
- + Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

- Kết cấu tài khoản 511:

➤ Bên Nợ:

- Các khoản thuế gián thu phải nộp: GTGT, TTĐB, XK.
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán, khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

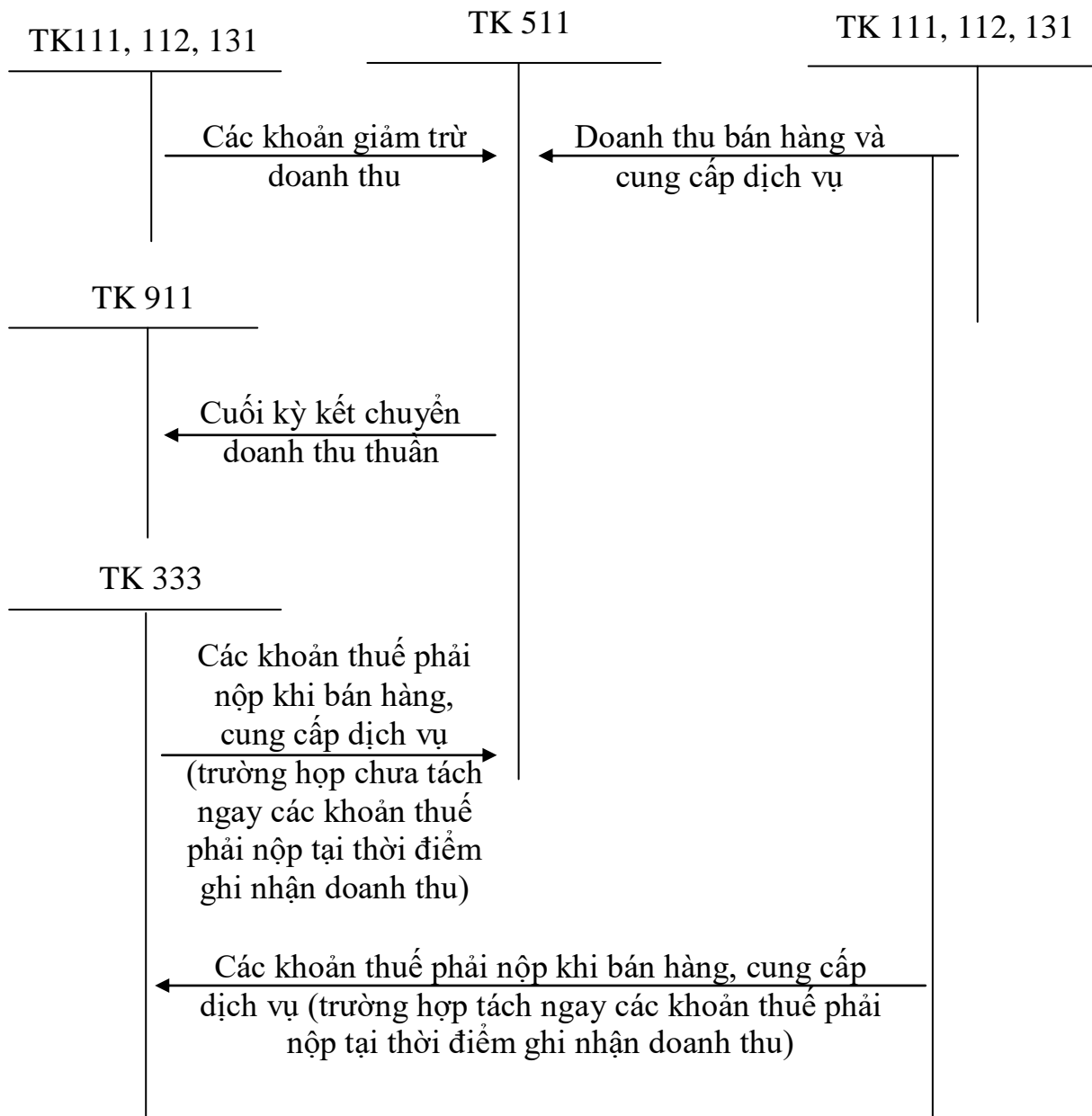
➤ Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

✚ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1 như sau:



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu:

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán:

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho.
- Các chứng từ khác có liên quan: phiếu chi, giấy báo nợ,...

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

- Kết cấu tài khoản 632

* Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh phản ánh:

➤ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

➤ Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
- ✚ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

* Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

➤ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

➤ Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi đi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:

➤ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ Tài khoản 155 “Thành phẩm”.

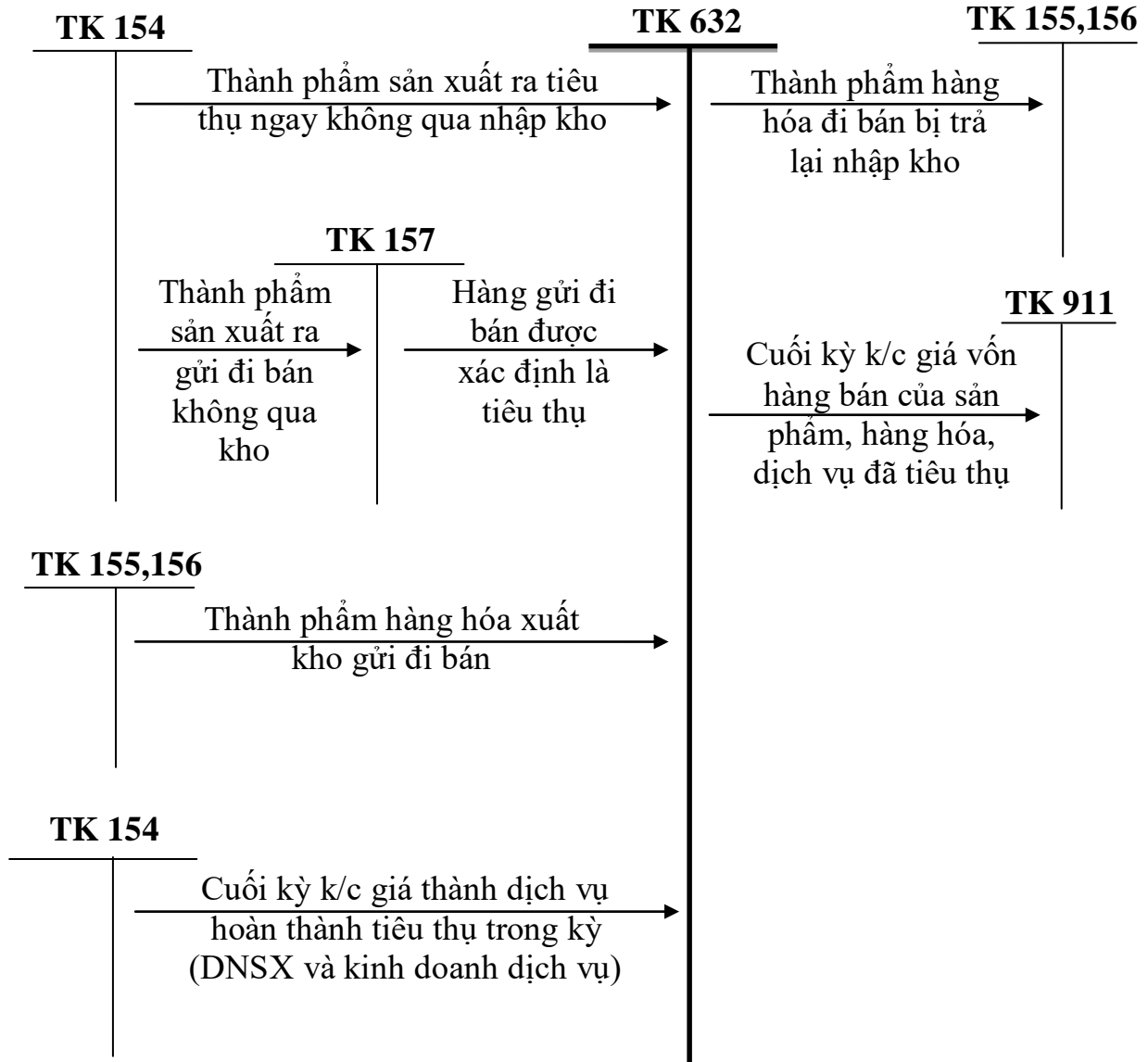
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết).

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

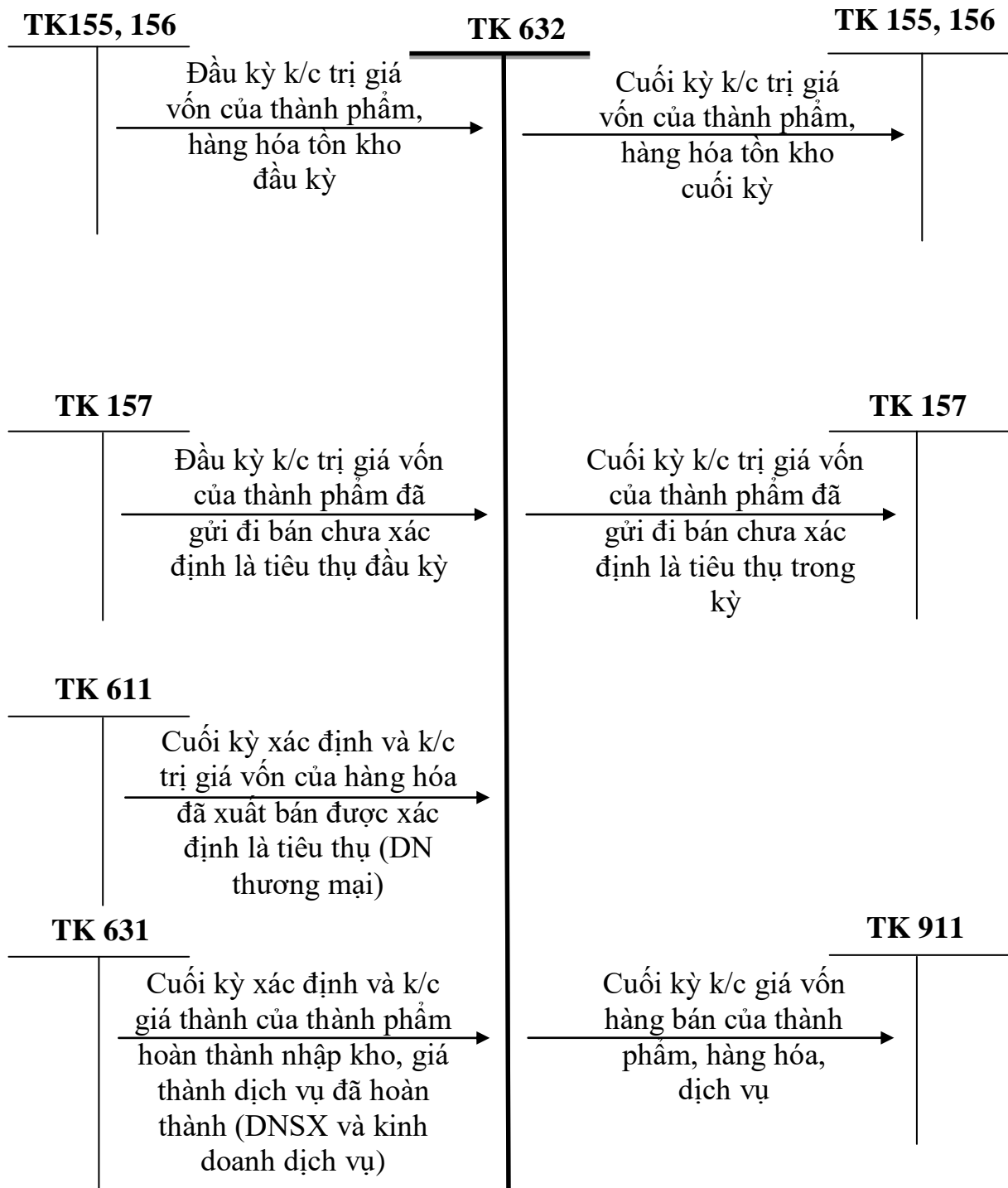
✚ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát qua hai sơ đồ 1.2 và sơ đồ 1.3 như sau:



Sơ đồ 1.2- Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.3- Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính:

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có (giấy báo lãi)
- Các chứng từ khác có liên quan như: Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay,...

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Kết cấu tài khoản 515

➤ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ hoạt động của kinh doanh,...
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

✚ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

- Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

- Kết cấu tài khoản 635

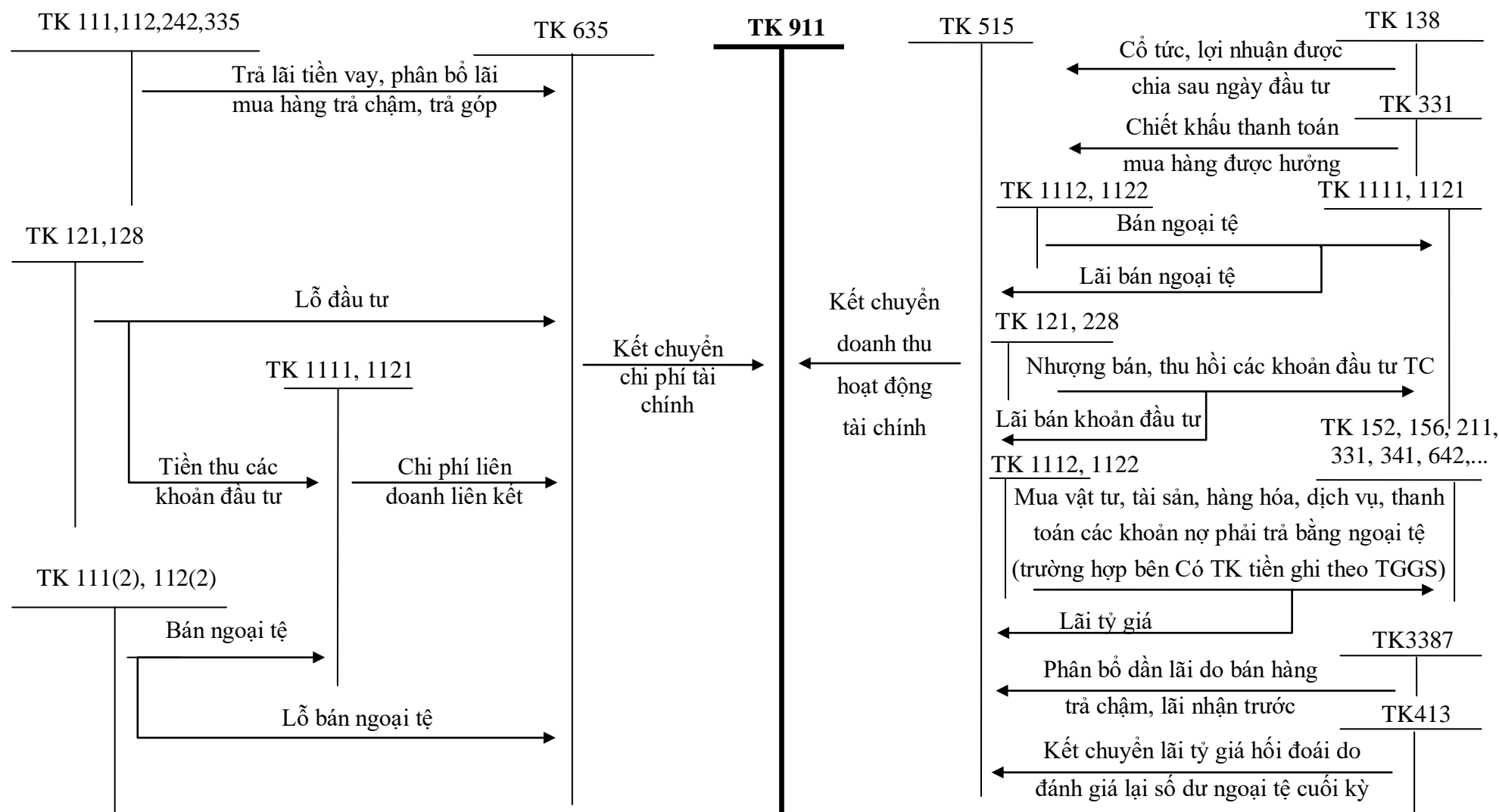
➤ Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện).

- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
- Bên Có:
 - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
 - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- ✚ Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.4 như sau:



Sơ đồ 1.4 – Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh:

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT, Giấy báo nợ, Phiếu chi
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, bảng phân bổ tiền lương và BHXH và các chứng từ khác có liên quan.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng:

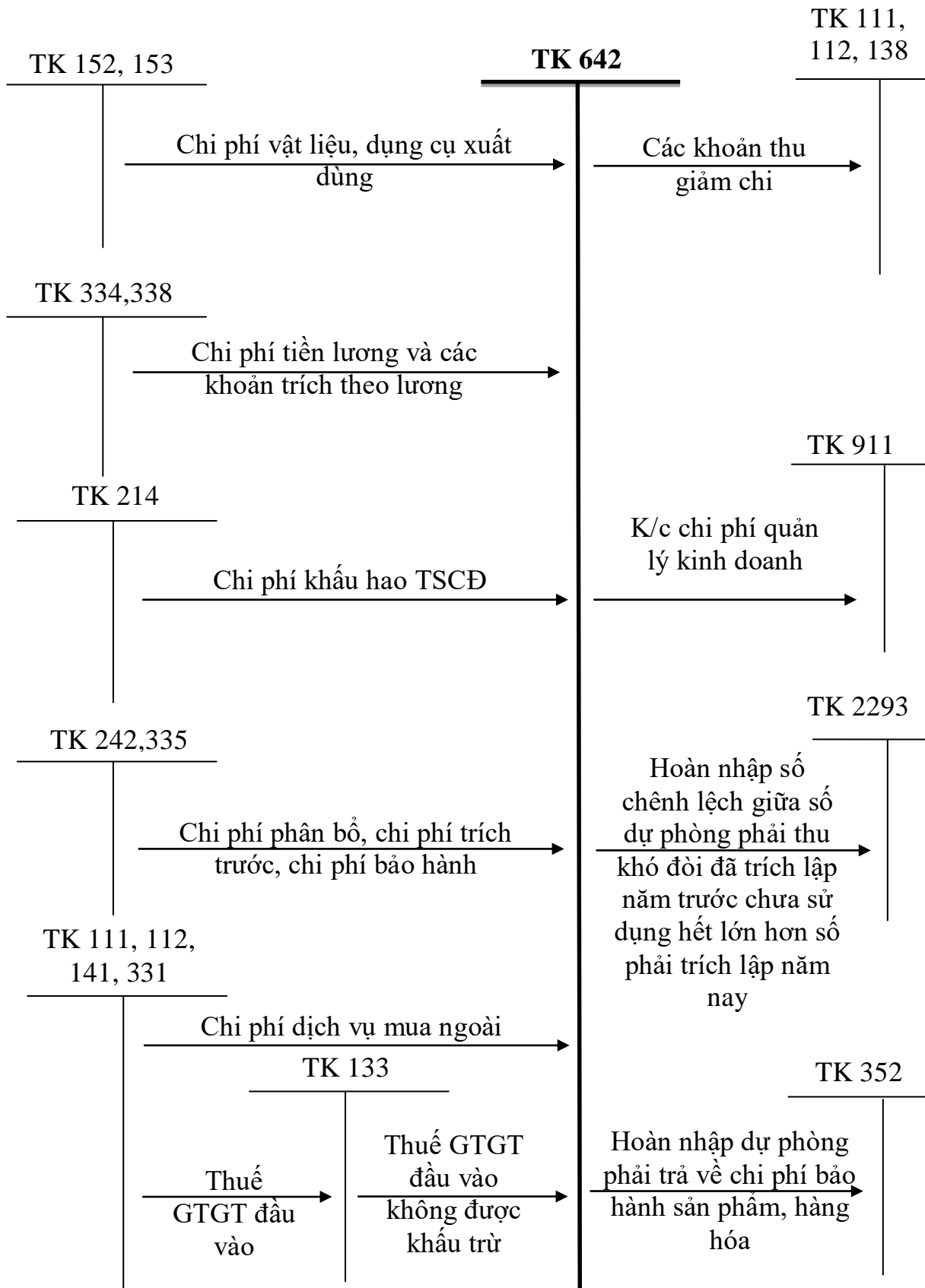
- Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh tại doanh nghiệp từ bán hàng, tiếp khách, văn phòng phẩm, khấu hao TSCĐ, lương nhân viên bán hàng, lương nhân viên quản lý,...

- Kết cấu TK642
 - Bên Nợ:
 - Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ.
 - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)
 - Dự phòng trợ cấp mất việc làm.
 - Bên Có:
 - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
 - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- ✚ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.
- ✚ TK 642 có 2 tài khoản cấp 2: +TK6421 – Chi phí bán hàng
+TK6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.5 như sau:



Sơ đồ 1.5 – Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác:

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng:

- Biên bản đánh giá tài sản.
- Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ.
- Biên bản góp vốn liên doanh.
- Phiếu thu, phiếu chi.

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kết cấu tài khoản 711

➤ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

✚ Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

- Tài khoản 811 – Chi phí khác

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

- Kết cấu tài khoản 811

➤ Bên Nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh

➤ Bên Có:

- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✚ Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:**1.2.6.1. Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán.

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán. Trong đó, doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ.

Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

- Kết cấu tài khoản 911

- Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.

- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác, chi phí quản lý kinh doanh.

- Kết chuyển lãi.

- Bên Có:

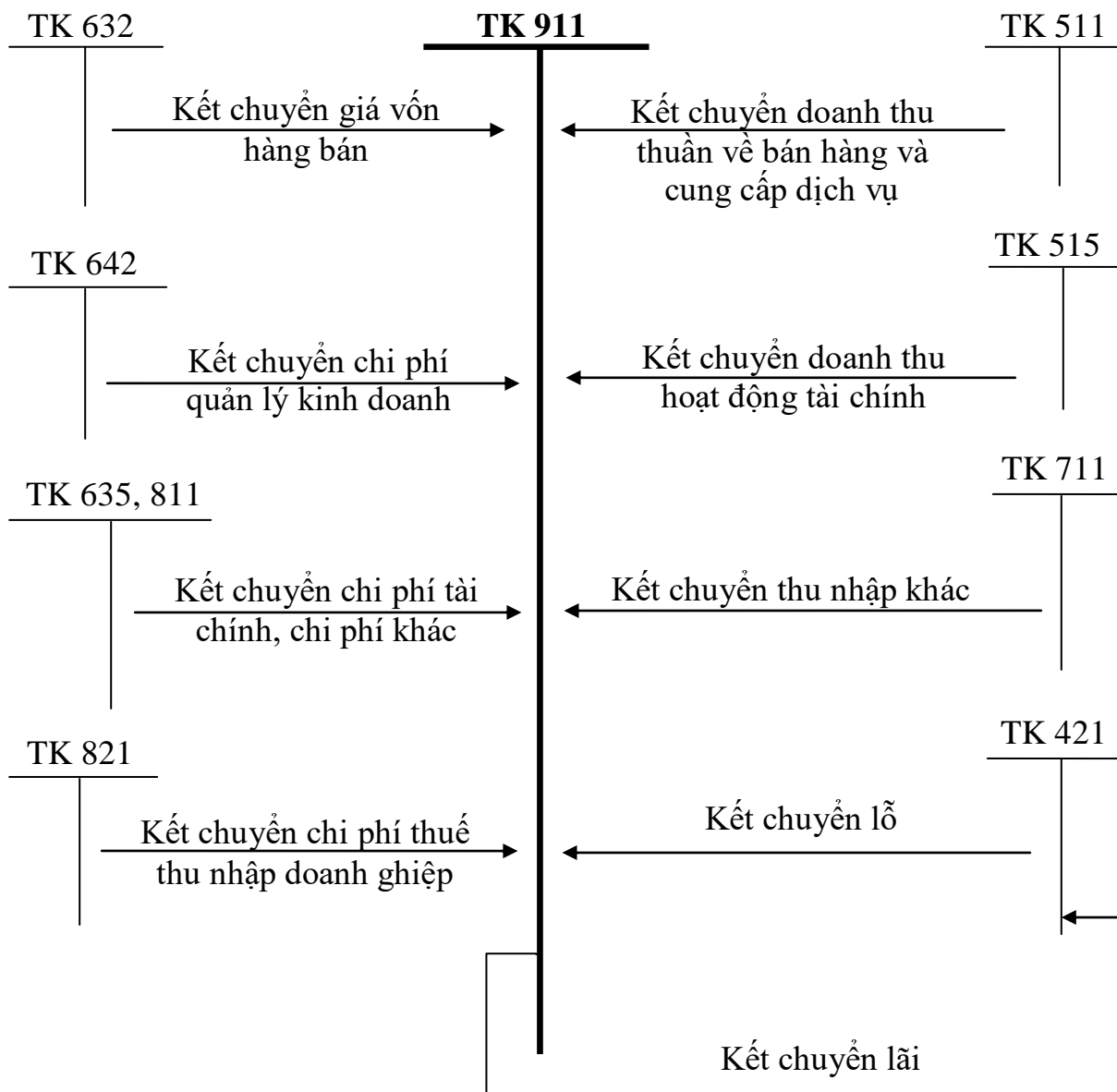
- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ, doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.

- Kết chuyển lỗ.

- ✚ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7 như sau:



Sơ đồ 1.7 – Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ:

Để phản ánh đầy đủ, kịp thời, liên tục, có hệ thống tình hình và kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp phải mở đầy đủ các sổ và lưu trữ sổ kế toán theo đúng chế độ kế toán.

Theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính, các doanh nghiệp được áp dụng một trong bốn hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên Máy vi tính

Trong mỗi hình thức, sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung:

1.3.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

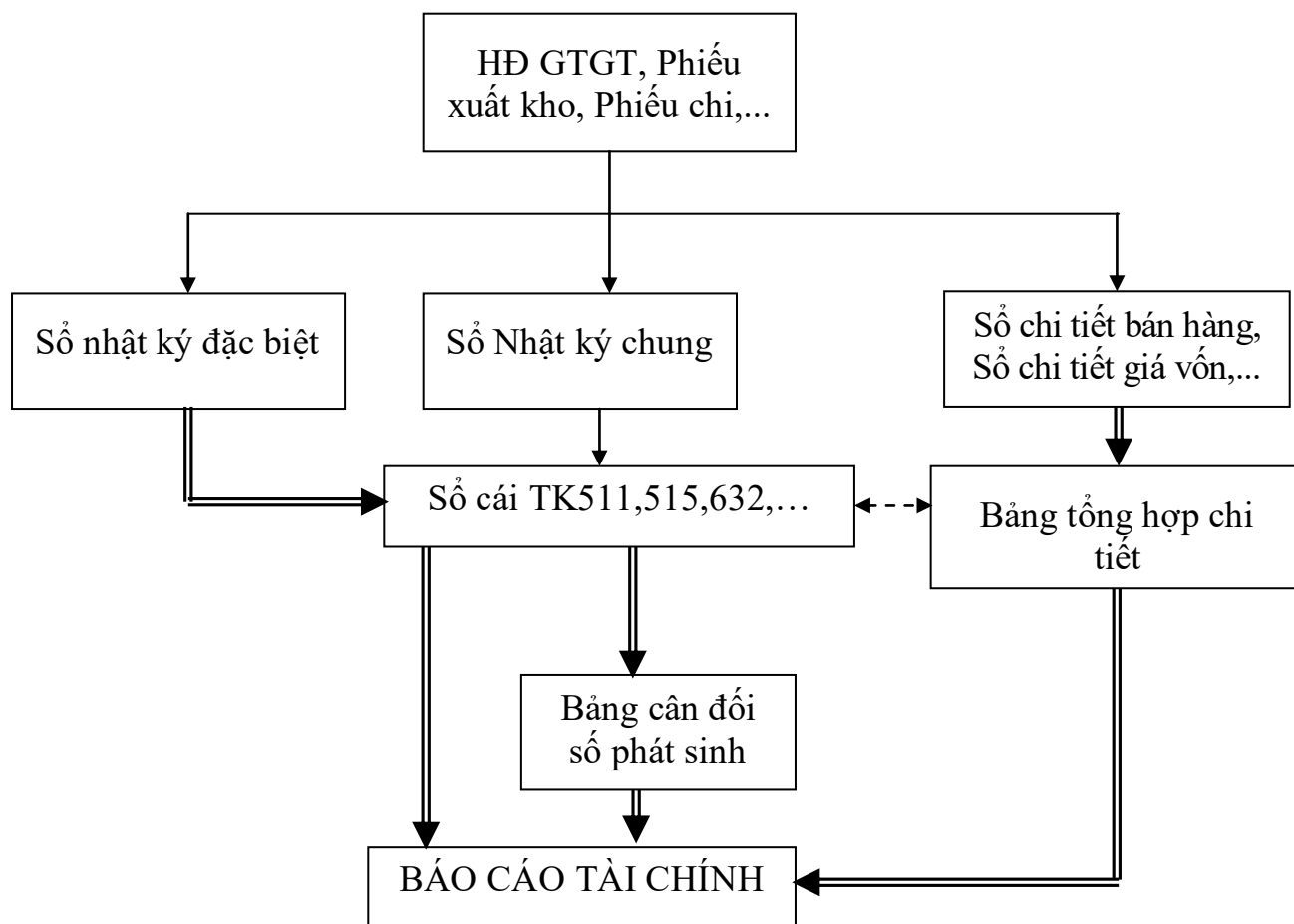
- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt.
- Sổ Cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.



- Ghi chú:**
- Ghi hàng ngày
 - ====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - <-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.8 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái:

1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái:

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

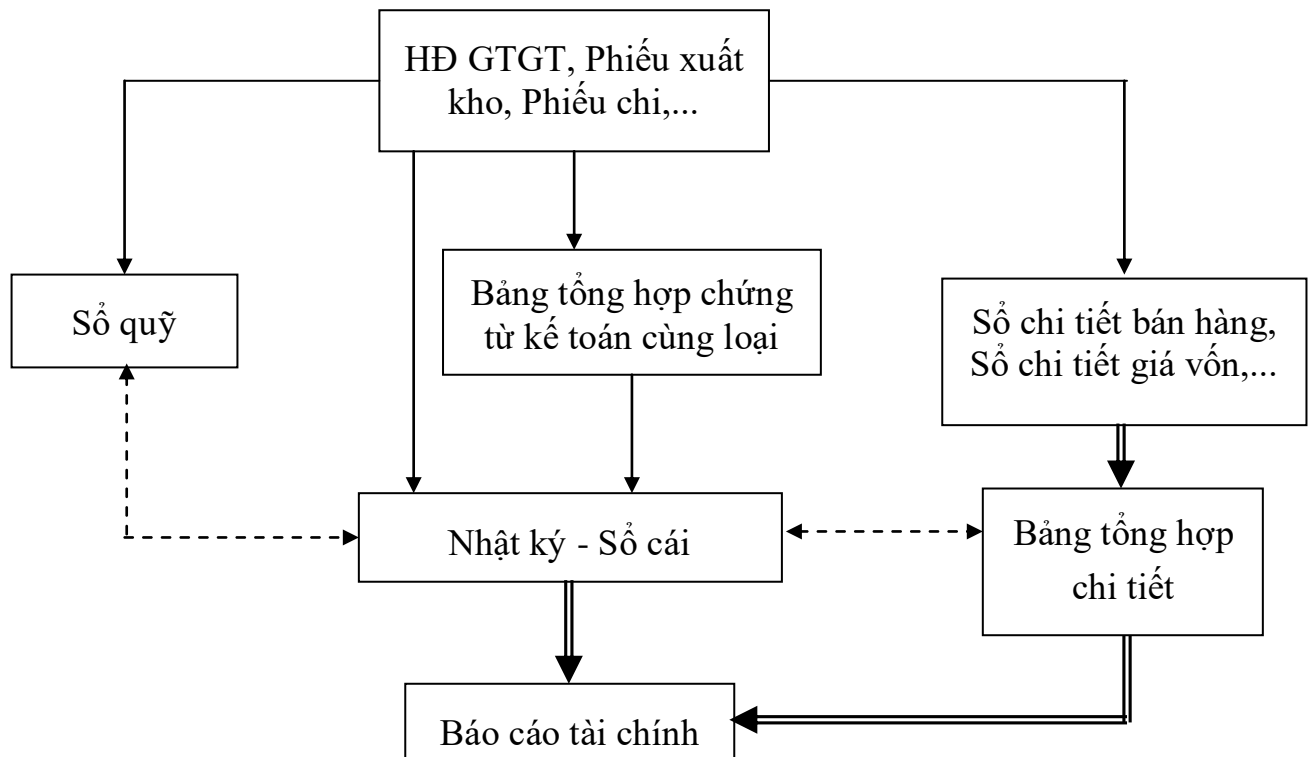
Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

1.3.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái:

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng.



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - - - - -> Đối chiếu

Sơ đồ 1.9 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

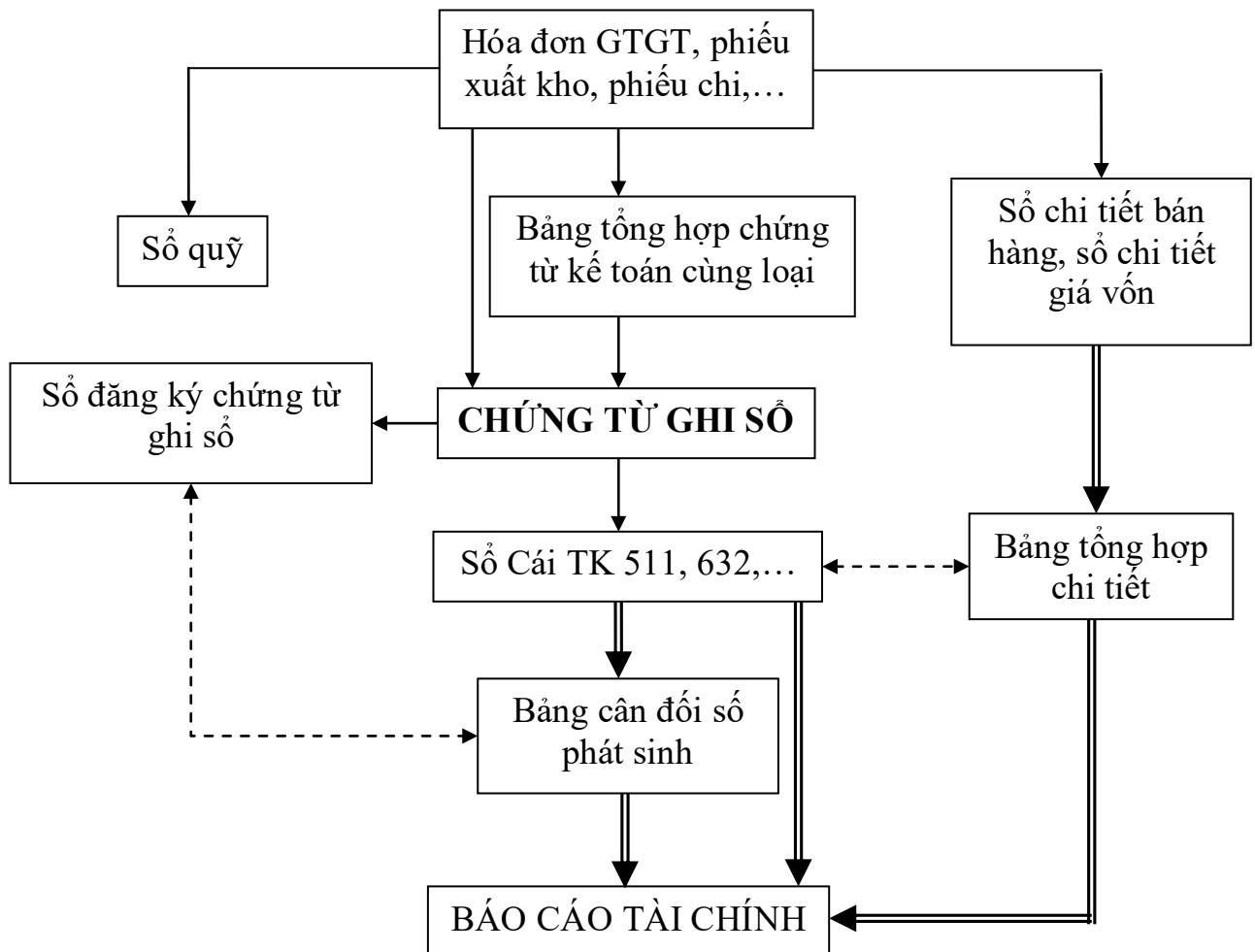
- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.
- + Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.
- + Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái, căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.10 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính:

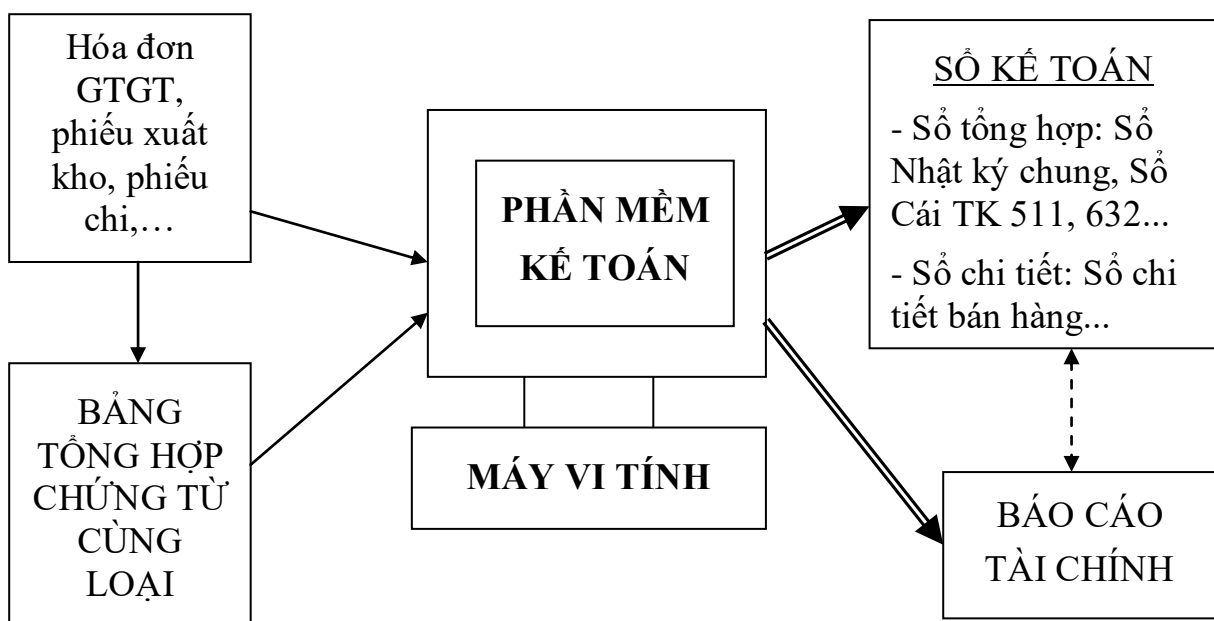
1.3.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên Máy vi tính:

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

1.3.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên Máy vi tính:

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Đối chiếu

Sơ đồ 1.11 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên Máy vi tính

CHƯƠNG II:**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM ĐẤT VIỆT****2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần Gốm Đất Việt:****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty cổ phần Gốm Đất Việt được Sở KHĐT tỉnh Quảng Ninh cấp giấy phép Đăng ký kinh doanh số 5700865777 đăng ký lần đầu ngày 29/05/2008.

- Tên công ty: **Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt**
- Tên Tiếng Anh: **GOM DAT VIET JOINT STOCK COMPANY**
- Tên giao dịch: **VIETNAMESE CERAMIC.JSC**
- Địa chỉ: Thôn Tràng Bảng 2 – xã Tràng An – huyện Đông Triều – tỉnh Quảng Ninh – Việt Nam.
- Điện thoại: (+84) 2033.598.989.
- Fax: (+84) 2033.582.368.
- Mã số thuế: 5700865777.
- E-mail: info@terracotta.vn.
- Website: <http://gomdatviet.com.vn>.
- Ngành nghề chính: +Kinh doanh, khai thác, chế biến vật liệu xây dựng.
 - +Xây dựng dân dụng, công nghiệp.
 - +Kinh doanh sân gặt, vận tải oto, bốc xúc đất đá.
 - +Kinh doanh, dịch vụ thương mại.
 - +Xuất nhập khẩu hàng hoá.
- Thành lập ngày 29/05/2008.
- Đầu tư mua sắm trang thiết bị: 300.000.000.000 VND.
- Sản lượng: 5.000.000 m²/năm.
- Lực lượng CBCNV: 430 người.

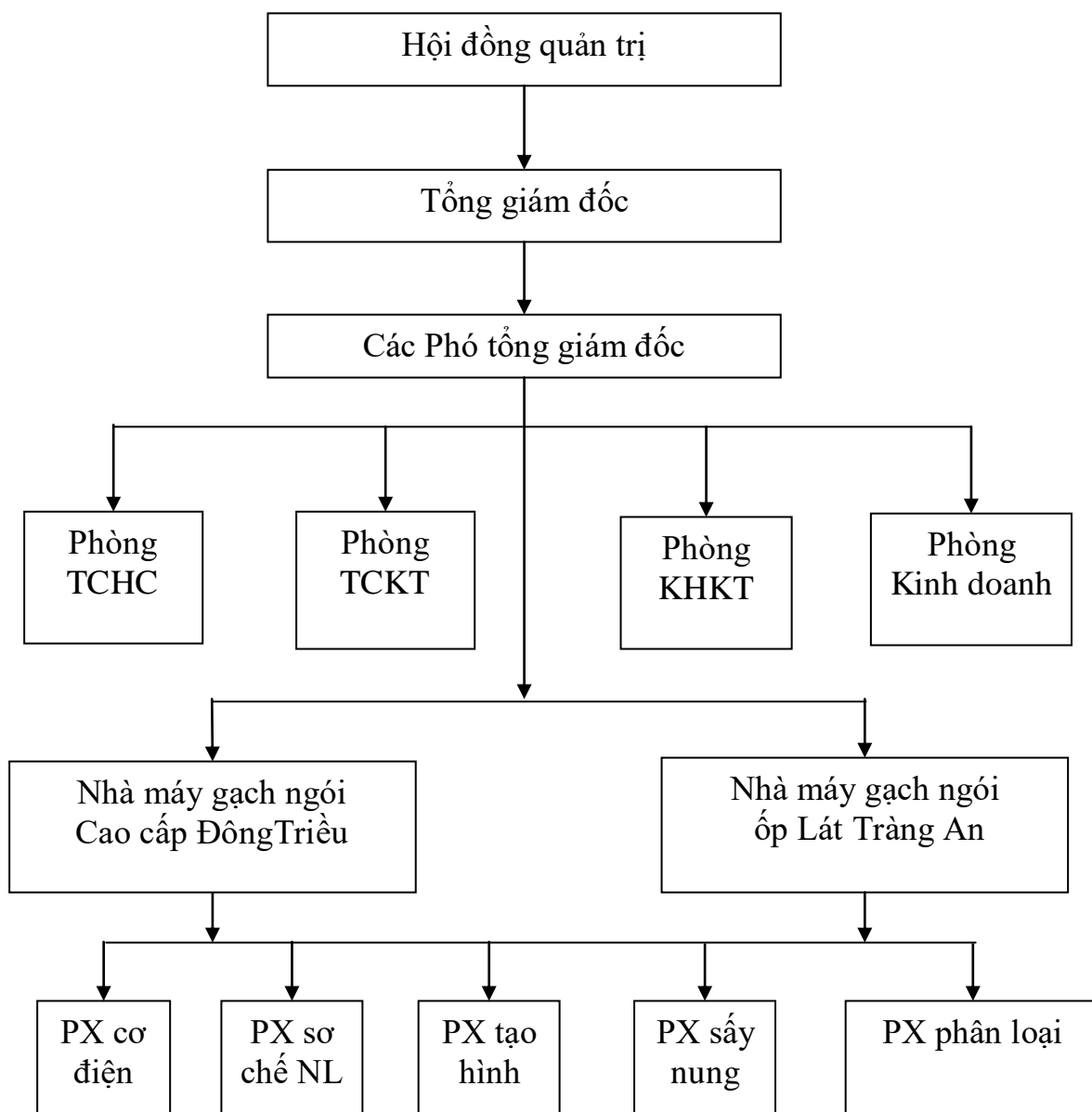
🚧 SỨ MỆNH – Sở hữu nguồn nguyên liệu đất sét có chất lượng tốt nhất và trữ lượng lớn nhất Đông Nam Á, Gốm Đất Việt với sứ mệnh đem lại vẻ đẹp thuần Việt-Á Đông đã và đang cung cấp cho thị trường các sản phẩm vật liệu xây dựng cao cấp như: Gạch xây, Ngói trang trí, Gạch Cotto, Gạch tấm ốp...

🚧 TÂM NHÌN – Thương hiệu Gốm Đất Việt đang trên đường hướng tới mục tiêu trở thành nhà sản xuất kinh doanh phân phối các sản phẩm Gạch ngói đất sét nung hàng đầu tại khu vực nói chung và Việt Nam nói riêng.

🏡 VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP – Gốm Đất Việt chủ trương: Lấy con người làm gốc phát triển; Xây dựng bản sắc thương hiệu Gốm Đất Việt gắn liền với giá trị nhân văn cao cả; Lấy chất lượng của sản phẩm và sự hài lòng của khách hàng làm thước đo.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt:

Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt xây dựng mô hình tổ chức quản lý theo kiểu trực tuyến chức năng. Đứng đầu là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty bên dưới là các Nhà máy, các phòng ban chức năng, phân xưởng và các tổ sản xuất trực thuộc. Bộ máy của Công ty được thể hiện theo sơ đồ 2.1 sau:



Sơ đồ 2.1 - Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt:

➤ Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận:

* **Ban lãnh đạo công ty gồm có chủ tịch HĐQT kiêm tổng Giám đốc Công ty và 4 phó tổng giám đốc:**

- **Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc công ty:** Là người đứng đầu Công ty, chịu trách nhiệm trước Nhà nước về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức, điều hành các hoạt động của Công ty theo điều lệ tổ chức về hoạt động của Công ty và theo sự phân cấp, uỷ quyền của Tổng Công ty.

- **Phó tổng giám đốc kiêm giám đốc nhà máy gạch Ôp Lát Tràng An:** Là người giúp việc cho tổng giám đốc trong lĩnh vực tổ chức đoàn thể, trực tiếp là Giám đốc Nhà máy gạch Ôp Lát kiêm Giám đốc thường trực.

- **Phó tổng giám đốc kiêm giám đốc Nhà máy gạch Ngói cao cấp Đông Triều:** Là người giúp việc cho Tổng giám đốc trong lĩnh vực đầu tư, đổi mới công nghệ, trực tiếp là Giám đốc Nhà máy gạch ngói cao cấp Đông Triều.

- **Phó tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh kiêm trưởng phòng kinh doanh:** Là người giúp việc cho Tổng giám đốc trong lĩnh vực kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm .

* **Các phòng ban chức năng:** Được tổ chức theo yêu cầu của quản lý kinh doanh, chịu sự lãnh đạo của Ban giám đốc để đảm bảo cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Gồm 5 phòng chức năng, nhiệm vụ của từng phòng như sau:

- **Phòng hành chính tổ chức:** Thực hiện việc tuyển dụng, quản lý và đào tạo lao động. Xây dựng các định mức về lao động, đơn giá tiền lương. Tổ chức việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động. Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thanh toán tiền lương cho người lao động đảm bảo đúng chế độ, đúng quy định của công ty. Giải quyết công việc thuộc lĩnh vực hành chính như: công tác văn thư tạp vụ, tổ chức ăn ca, chăm sóc sức khoẻ cho CBCNV. Tổ chức bảo vệ cơ quan an toàn và phục vụ cán bộ đi công tác...

- **Phòng kế hoạch kỹ thuật:** Tham mưu giúp việc cho Giám đốc về mảng kỹ thuật – công nghệ, thiết kế mẫu mã sản phẩm. Quản lý về mặt kỹ thuật công nghệ, tổ chức chế thử nghiệm các sản phẩm. Kiểm tra giám sát chất lượng các yếu tố đầu vào, chất lượng của các công đoạn sản xuất đặc biệt là chất lượng của công đoạn phân loại đóng gói sản phẩm, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn ISO. Kết hợp các phòng ban chức năng xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật. Xây dựng kế hoạch đầu tư, sản xuất, kiểm tra giám sát việc

thực hiện kế hoạch. Cung ứng vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất đảm bảo về mặt số lượng, chất lượng tính đồng bộ.

- **Phòng Tài chính kế toán:** Tổ chức công tác hạch toán kế toán đảm bảo đúng pháp lệnh kế toán thống kê. Tham mưu giúp tổng Giám đốc kiểm tra, giám sát về tình hình sử dụng vật tư, tiền vốn. Phân tích các hoạt động kinh tế của các Nhà máy và toàn Công ty.

- **Phòng Kinh doanh:** Có chức năng tham mưu cho HĐQT, tổng giám đốc trong lĩnh vực xuất khẩu sản phẩm ra thị trường nước ngoài.

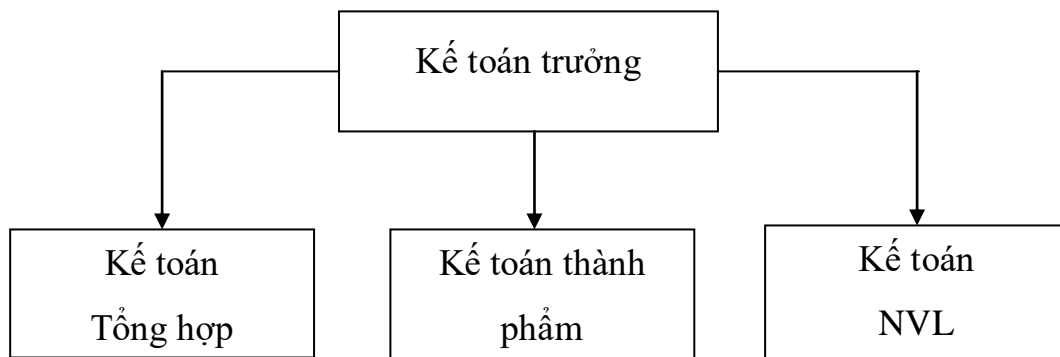
* **Khối sản xuất:** Công ty cổ phần Gốm Đất Việt gồm 2 nhà máy trực thuộc, Bao gồm:

- **Nhà máy gạch ốp lát Tràng An và nhà máy ngói cao cấp Đông Triều:** Các Nhà máy có nhiệm vụ tổ chức sản xuất các loại sản phẩm theo kế hoạch sản xuất và nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

Dưới các Nhà máy gồm có các phân xưởng trực thuộc, mỗi phân xưởng phụ trách một công đoạn sản xuất.

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt:

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán:



Sơ đồ 2.2 - Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Gốm Đất Việt

➤ Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong bộ máy kế toán:

- **Kế toán trưởng:** Có nhiệm vụ chỉ đạo, tổ chức kiểm tra công tác kế toán của Công ty, tham mưu giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực tài chính kế toán, kiểm tra tình hình biến động của các loại tài sản, theo dõi các khoản thu nhập và việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Công ty, Nhà nước về tài chính kế toán của Công ty.

- **Kế toán tổng hợp:** Tổng hợp và phân tích tất cả các số liệu kế toán do các kế toán phân hành cung cấp. Cuối kỳ kiểm tra xem xét lại tất cả các chỉ tiêu

xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính tháng, quý, năm và thay mặt kế toán trưởng (khi vắng mặt) điều hành quản lý phòng. Có trách nhiệm tổng hợp, theo dõi đơn đốc thu hồi các khoản công nợ, phụ trách lĩnh vực đầu tư, xây dựng cơ bản. Thực hiện các nhiệm vụ thanh toán giao dịch với Ngân hàng, mở sổ chi tiết, tổng hợp nghiệp vụ thanh toán với Ngân hàng, theo dõi công nợ với khách hàng, trực tiếp đơn đốc công nợ, thu hồi công nợ.

- **Kế toán thành phẩm:** Tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm, tổ chức ghi chép, tổng hợp, phản ánh tình hình xuất nhập tồn kho thành phẩm, tình hình tiêu thụ sản phẩm.

- **Kế toán nguyên vật liệu:** Tập hợp các số liệu, phản ánh các giá trị nguyên vật liệu, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ xuất nhập, phản ánh chính xác số lượng nguyên vật liệu thừa thiếu, tồn đọng, kém phẩm chất để Công ty có biện pháp xử lý kịp thời. Theo dõi TSCĐ: theo dõi số lượng, giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng giảm, hiện trạng của TSCĐ, trích và phân bổ khấu hao theo tỷ lệ quy định. Chịu trách nhiệm kê khai thuế, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Gốm Đất Việt:

- Kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Tính và nộp thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ .
- Phương pháp tính trị giá vốn hàng xuất kho: theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.
- Tính khấu hao TSCĐ: theo phương pháp đường thẳng.
- Niên độ kế toán: theo năm dương lịch bắt đầu từ 01/01 đến ngày 31/12.
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam.

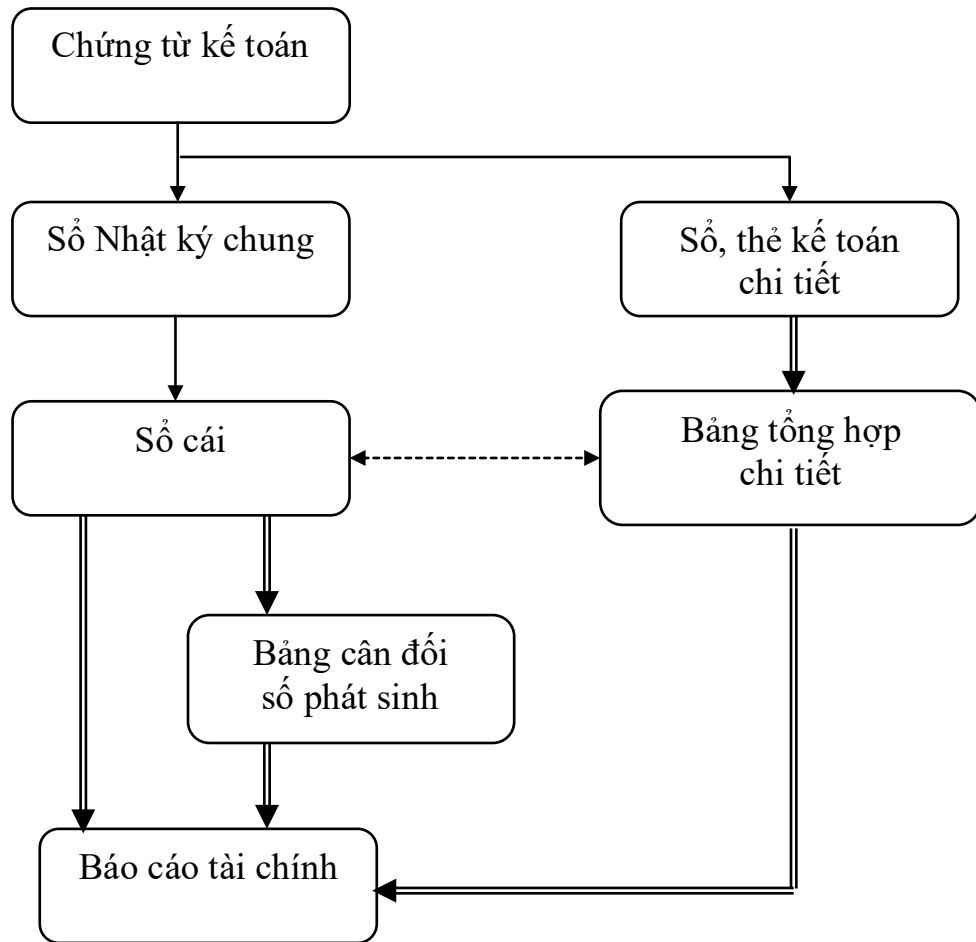
2.1.3.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán:

Công ty sử dụng hệ thống tài khoản kế toán theo hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán:

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty được thể hiện qua sơ đồ 2.3 sau:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 2.3 – Hình thức kế toán Nhật ký chung tại Công ty CP Gốm Đất Việt

2.1.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính:

Theo quy định hiện hành, hệ thống báo cáo tài chính của công ty bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán: B01-DNN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: B02-DNN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: B03-DNN
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính: B09-DNN

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt:

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty:

2.2.1.1. Đặc điểm doanh thu bán hàng tại công ty:

Hiện nay công ty Cổ phần Gốm Đất Việt chuyên sản xuất, phân phối, kinh doanh các sản phẩm đất sét nung cao cấp, gạch Cotto, ngói lợp thuần Việt, ngói lợp tráng men đa màu,... Vì vậy, doanh thu bán hàng của công ty chủ yếu là từ doanh thu bán các mặt hàng, sản phẩm trên.

Ngày nay, nhu cầu tu sửa, xây dựng các công trình phục vụ mục đích kinh doanh, sử dụng tăng cao. Tuy nhiên, do là thị trường tiềm năng nên dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt, thu hẹp thị phần.

➤ Phương thức bán hàng:

Bán buôn (Bán cho Đại lý cấp 1): Công ty áp dụng hình thức bán buôn đối với những khách hàng có nhu cầu mua với khối lượng lớn, đã ký kết hợp đồng. Để tăng lượng hàng hóa bán ra thị trường, thu hút đối tượng khách hàng này công ty có chính sách bán hàng như: chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán, hoặc chiết khấu thương mại. Theo phương thức này, khi Đại lý đến lấy hàng, vào kho làm phiếu, sau khi thủ tục nhận hàng đã xong và phòng kế toán lập hoá đơn GTGT gồm 3 liên sau đó liên 2 và 3 giao cho phòng kinh doanh. Phòng kinh doanh cử người mang hoá đơn tới người mua hàng đồng thời vận chuyển thẳng số hàng hoá đã có hoá đơn GTGT cho người mua. Hàng hoá được coi là bán khi người mua nhận đủ hàng ký xác nhận trên chứng từ bán hàng của Công ty.

Bán lẻ: Công ty thực hiện bán lẻ theo phương thức thu tiền tập trung tức là khi phát sinh nghiệp vụ bán lẻ hàng hoá thì kế toán hàng hoá lập hoá đơn GTGT. Trường hợp nếu bán lẻ tại Công ty thì kế toán hàng hoá lập hoá đơn GTGT lấy đầy đủ chữ ký của người mua, thủ trưởng đơn vị, kế toán trưởng sau đó dựa vào hoá đơn GTGT kế toán thu chi sẽ viết phiếu thu chi với số tiền đủ theo hoá đơn.

Trên mỗi hoá đơn được ghi đầy đủ, đúng các yếu tố bao gồm: giá bán chưa có thuế, thuế GTGT và tổng giá thanh toán.

➤ Các phương thức thanh toán:

– Thanh toán bằng tiền mặt:

Sau khi thủ tục giao hàng được hoàn tất, có hoá đơn GTGT. Nếu khách hàng thanh toán tiền ngay bằng tiền mặt thì liên thứ 3 trong hoá đơn (GTGT) được dùng làm căn cứ để thu tiền hàng kế toán và thủ quỹ dựa vào đó để viết phiếu thu và cũng dựa vào đó thủ quỹ nhận đủ số tiền hàng.

- Thanh toán bằng tiền gửi Ngân hàng:

Sau khi thủ tục giao hàng được hoàn tất, có hóa đơn GTGT. Nếu khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản, khi có giấy báo có của ngân hàng, thủ quỹ dựa vào đó để vào sổ Tiền gửi Ngân hàng, và quá trình thanh toán được hoàn tất.

- Thanh toán chậm:

Khách hàng chấp nhận thanh toán, kế toán ghi nhận doanh thu, doanh thu bán hàng được kế toán của công ty tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền 1 lần. Dựa vào hóa đơn GTGT kế toán vào sổ chi tiết doanh thu, sổ chi tiết bán hàng.

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng:

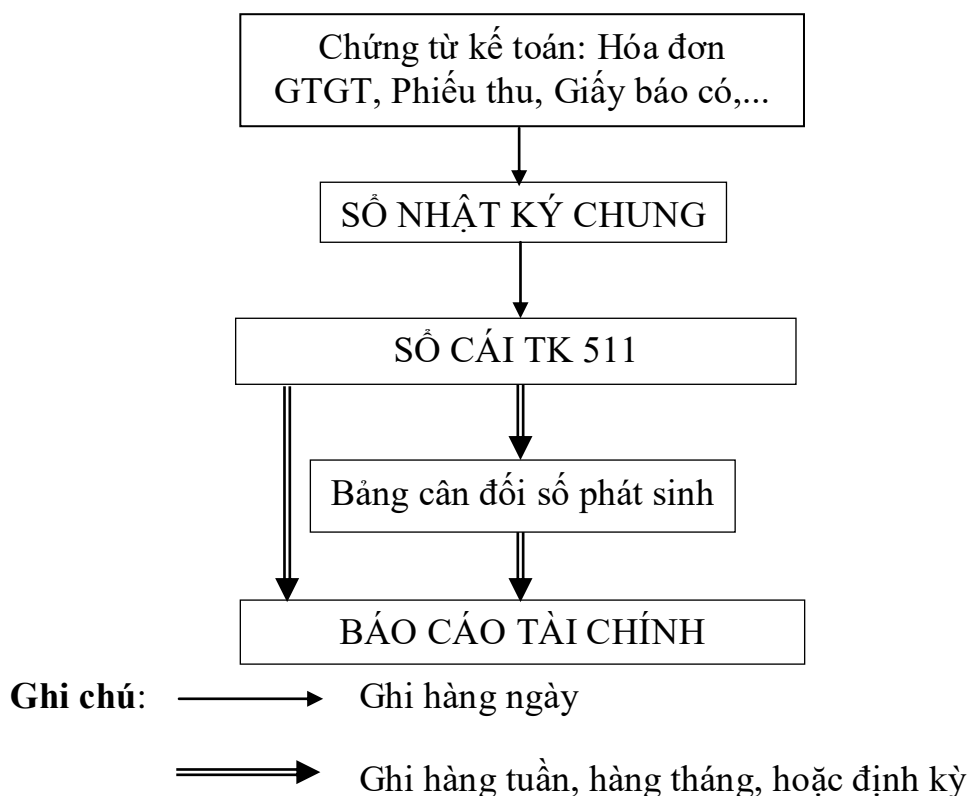
- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng, hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: hiệu thu, giấy báo có,...
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Các tài khoản liên quan khác như: TK 3331, TK 156, TK 911

2.2.1.4. Quy trình hạch toán:

Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt được khái quát qua sơ đồ 2.4 như sau:



Sơ đồ 2.4 – Quy trình hạch toán doanh thu tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt

🚧 Ví dụ minh họa:

- Ví dụ 1: Ngày 06/10/2017 Công ty bán cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Du lịch Cát Bà 200m² gạch lát nền mã DV03L5: 500x500x14mm màu đỏ đậm với đơn giá 143.700/m² (chưa có VAT 10%), đã thu bằng chuyển khoản.

Kế toán định khoản: Nợ TK 112: 31.614.000

Có TK 511: 28.740.000

Có TK 3331: 2.874.000

- Kế toán lập HĐ GTGT số 0000768 (Biểu số 2.1) và giao Liên 2 hóa đơn này cho khách hàng.

- Công ty Cổ phần Xây dựng và Du lịch Cát Bà chuyển tiền qua ngân hàng, công ty nhận được giấy báo có ngày 06/10/2017 của ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam - chi nhánh Quảng Ninh (biểu số 2.2) thông báo về số tiền đã nhận được.

- Căn cứ vào HĐ GTGT số 0000768, kế toán ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.5)

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 511 (biểu số 2.6)

- Ví dụ 2: Ngày 17/10/2017, Công ty bán cho Công ty cổ phần VP 50m² gạch thẻ mã DV01L2: 240x68x9mm màu đỏ nhạt với đơn giá 93.400đ/m² (chưa có VAT 10%), đã thu bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản : Nợ TK 111: 5.137.000

Có TK 511: 4.670.000

Có TK 3331: 467.000

- Kế toán tiến hành lập phiếu thu số 26/10 (biểu số 2.3), HĐ GTGT 0000779 (biểu số 2.4) và giao liên 2 hóa đơn này cho khách hàng.

- Công ty cổ phần VP trả tiền hàng bằng tiền mặt. Từ HĐ GTGT 0000779, PT 26/10 kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.5)

- Từ số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán vào Sổ cái TK 511 (biểu số 2.6)

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIA TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/17P			
<i>Liên 3: Nội bộ</i>		Số: 0000768			
<i>Ngày 06 tháng 10 năm 2017</i>					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM ĐẤT VIỆT					
Mã số thuế: 5700865777					
Địa chỉ: xã Trảng An - huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh – Việt Nam					
Điện thoại: 033.2466.337 Fax: 033.3598.368					
Số tài khoản: 44510000090465					
Tại: Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - chi nhánh Quảng Ninh					
Họ và tên người mua hàng: Đỗ Duy Hải					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Xây dựng và Du lịch Cát Bà					
Mã số thuế: 0201290179					
Địa chỉ: Số 02, ngõ 04, tổ dân phố số 17 - Thị trấn Cát Bà - Huyện Cát Hải - Hải Phòng.					
Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản: 9704431095035561. Tại ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4x5
1	Gạch lát nền mã DV03L5 KT: 500x500x14mm màu đỏ đậm	M2	200	143.700	28.740.000
<i>Cộng tiền hàng:.....28.740.000.....</i>					
<i>Thuế suất GTGT: ...10%.... Tiền thuế GTGT:..... 2.874.000.....</i>					
<i>Tổng cộng tiền thanh toán:..... 31.614.000.....</i>					
<i>Bằng chữ: Ba mươi một triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng chẵn./</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số 2.1 – Hóa đơn GTGT 0000768

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Chi nhánh: Nguyễn Bình – Đông Triều

**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 06 tháng 10 năm 2017

Mã GDV:

Mã KH: 10062918

Số GD:

Kính gửi: CTY CP GÓM ĐẤT VIỆT

Địa chỉ: XÃ TRẢNG AN - HUYỆN ĐÔNG
TRIỆU - TỈNH QUẢNG NINH

Giấy phép kinh doanh: 2203001416

Mã số thuế: 5700865777

Số tài khoản: 44510000090465

Loại tiền: VND

Loại tài khoản: VND-TGTT-CT
CP GOM DAT VIETSố bút toán hạch toán:
FT1634191167/BNKBIDV xin thông báo đã ghi có tài khoản tài khoản của Quý khách số tiền theo
chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
CITAD inward Payment	31.614.000
Tổng số tiền	31.614.000

Số tiền bằng chữ: *Ba mươi một triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng chẵn./*Diễn giải: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DU LỊCH CÁT BÀ THANH
TOÁN TIỀN MUA GẠCH.**Giao dịch viên****Kiểm soát****Biểu số 2.2 – GBC ngày 06/10/2017 Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam**

CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM ĐẤT VIỆT

Xã Tràng An - huyện Đông Triều - QN

Mẫu số: 01 - TT(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT- BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

Quyển số:

Số: 26/10

PHIẾU THU

Ngày 17 tháng 10 năm 2017

Nợ TK111: 5.137.000

Có TK511: 4.670.000

Có TK3331: 467.000

Họ tên người nộp tiền: Công ty Cổ phần VP

Địa chỉ: : Số 47/8A Đường Cù Chính Lan - Quận Hồng Bàng - Hải Phòng

Lý do nộp: Thu tiền mua hàng của Công ty Cổ phần VP

Số tiền : 5.137.000 (Viết bằng chữ): Năm triệu một trăm ba mươi bảy nghìn
đồng chẵn.

Kèm theo: ...01.... Chứng từ gốc

Ngày 17 tháng 10 năm 2017

Giám đốc(Ký, họ tên,
đóng dấu)**Kế toán
trưởng**

(Ký, họ tên)

**Người nộp
tiền**

(Ký, họ tên)

**Người lập
phiếu**

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Chín triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn
đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

.....

+ Số tiền quy đổi:

.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu số 2.3 – Phiếu thu số 26/10

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIA TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/17P		
<i>Liên 3: Nội bộ</i>			Số: 0000779		
<i>Ngày 17 tháng 10 năm 2017</i>					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM ĐẤT VIỆT					
Mã số thuế: 5700865777					
Địa chỉ: xã Tràng An - huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh – Việt Nam					
Điện thoại: 033.2466.337 Fax: 033.3598.368					
Số tài khoản: 44510000090465					
Tại: Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - chi nhánh Quảng Ninh					
Họ và tên người mua hàng: Phạm Tiến Nam					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần VP					
Mã số thuế: 0200648126					
Địa chỉ: Số 47/8A Đường Cù Chính Lan - Quận Hồng Bàng - Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản: 97043456896544 Tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín.					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4x5
1	Gạch thẻ mã DV01L2 KT: 240x68x9mm màu đỏ nhạt	M2	50	93.400	4.670.000
<i>Cộng tiền hàng:.....4.670.000.....</i>					
<i>Thuế suất GTGT: ...10%.... Tiền thuế GTGT:.....467.000.....</i>					
<i>Tổng cộng tiền thanh toán:.....5.137.000.....</i>					
<i>Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu một trăm ba mươi bảy nghìn đồng chẵn./</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu số 2.4 – HĐ GTGT 0000779

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM ĐẤT VIỆT

Địa chỉ: xã Trảng An - huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh – Việt Nam.

Mẫu số S03a- DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT - BTC) ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
....
06/10	HĐ GTGT 0000767 PC 10/01	06/10	Thanh toán tiền máy in Canon PIXMA G1000 cho Công Ty TNHH Phát triển Thương Mại và Dịch Vụ ĐỒ GIA	154 133	111	2.790.000 279.000	3.069.000
06/10	PX 07/10	06/10	Xuất kho 200m2 gạch lát nền mã DV03L5: 500x500x14mm cho Công ty CP Xây dựng và du lịch Cát Bà	632	155	19.735.600	19.735.600
06/10	GBC 06/10 HĐ GTGT 0000768	06/10	Bán 200m2 gạch lát nền mã DV03L5: 500x500x14mm cho Công ty CP Xây dựng và du lịch Cát Bà thu bằng chuyển khoản	112 5111 3331		31.614.000	28.740.000 2.874.000
...
17/10	PX 36/10	17/10	Xuất kho 50m2 gạch thẻ mã DV01L2: 240x68x9mm cho Công ty CP VP	632	155	4.227.500	4.227.500
17/10	PT 26/10 HĐ GTGT 0000779	17/10	Bán 50m2 gạch thẻ mã DV01L2: 240x68x9mm cho Công ty CP VP thu bằng tiền mặt	111 5111 3331		5.137.000	4.670.000 467.000
18/10	PX 37/10	18/10	Xuất kho 300 viên gạch bạc thêm mã DV04B: 400x300x14mm cho Công ty TNHH Trúc Mai chưa thu tiền	632	155	14.670.000	14.670.000
...
			Tổng cộng			38.167.225.680	38.167.225.680

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)Kê toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)**Biểu số 2.5 – Sổ nhật ký chung (trích)**

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GỐM ĐẤT VIỆT
Địa chỉ: xã Trảng An - huyện Đông Triều - tỉnh Quảng
Ninh – Việt Nam.

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT - BTC) ngày
26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu TK: 511

Đơn vị tính: đồng

NT Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
...
06/10	HĐ GTGT 0000767	06/10	Bán 150 viên gạch bậc thêm mã DV08L2: 300x400mm cho Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Trường Việt thu bằng chuyên khoản	112		7.177.500
06/10	HĐ GTGT 0000768	06/10	Bán 200m ² gạch lát nền mã DV03L5: 500x500x14mm cho Công ty CP Xây dựng và du lịch Cát Bà thu bằng chuyên khoản	112		28.740.000
.....
17/10	HĐ GTGT 0000779	17/10	Bán 50m ² gạch thẻ mã DV01L2: 240x68x9mm cho Công ty CP VP thu bằng tiền mặt	111		4.670.000
18/10	HĐ GTGT 0000780	18/10	Bán 300 viên gạch bậc thêm mã DV04B: 400x300x14mm cho Công ty TNHH Trúc Mai chưa thu tiền	131		14.670.000
...
31/12	PKT 25/12	31/12	Kết chuyển doanh thu BH và CCDV	911	4.809.622.000	
			Cộng số phát sinh		4.809.622.000	4.809.622.000
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.6 – Sổ cái TK511 (trích)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt:**2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán:**

- Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn: theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập phải tính trị giá vốn của hàng xuất kho

- Phương pháp này có độ chính xác cao, phản ánh được tình hình biến động của giá cả, đảm bảo tính kịp thời của số liệu.

Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập } j \text{ của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập } j \text{ của hàng I}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau lần nhập } j \text{ của hàng I}}$$

2.2.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng:

* Chứng từ sử dụng:

+ Hóa đơn GTGT

+ Phiếu xuất kho (trong trường hợp mua bán thẳng)

+ Bảng kê xuất kho thành phẩm (chi tiết theo từng đơn đặt hàng)

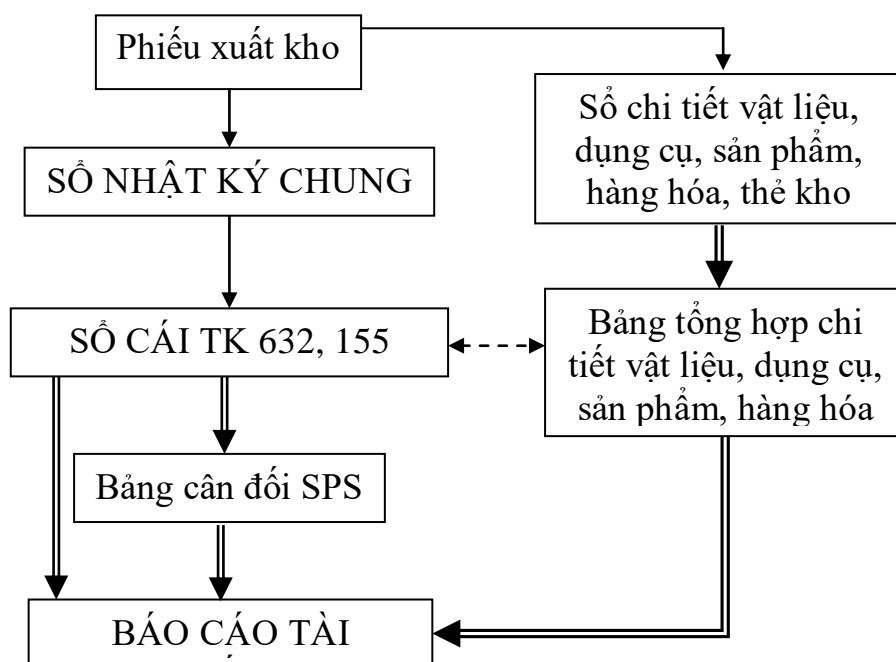
* Tài khoản sử dụng:

+ TK 632 – Giá vốn hàng bán

+ TK 155 – Thành phẩm

2.2.2.3. Quy trình kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt:

Quy trình kế toán giá vốn của công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.5




Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày

\Longrightarrow Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

\longleftrightarrow Đối chiếu

Sơ đồ 2.5 – Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt

 Ví dụ minh họa:

• Ví dụ 3 (minh họa tiếp ví dụ 1): Ngày 06/10/2017 Công ty bán cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Du lịch Cát Bà 200m² gạch lát nền mã DV03L5: 500x500x14mm màu đỏ đậm với đơn giá 143.700đ/m² (chưa có VAT 10%), đã thu bằng chuyển khoản.

Kế toán định khoản bút toán giá vốn:

Nợ TK 632: 19.735.600

Có TK 155: 19.735.600

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 07/10 (biểu số 2.7), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.9). Từ số liệu trên, vào sổ cái TK632 (biểu số 2.10).

Công ty tính trị giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn cho gạch lát nền mã DV03L5: 500x500x14mm màu đỏ đậm

như sau:

- Tồn đầu tháng 10: + Số lượng 150 m²
+ Đơn giá: 98.200đ/m²
+ Thành tiền: 150 × 98.200 = 14.730.000đ
- Ngày 03/10: Xuất kho cho Đại lý Phán Nhưong 100m² gạch lát nền mã DV03L5 màu đỏ đậm. Trị giá xuất ngày 03/10: 100 × 98.200 = 9.820.000đ
- Ngày 05/10 nhập kho thành phẩm: + Số lượng: 10.000m²
+ Đơn giá: 98.680đ/m²
+ Thành tiền: 10.000 × 98.680
= 986.800.000đ
- Ngày 06/10, công ty bán 200m² gạch lát nền mã DV03L5 màu đỏ đậm cho công ty Cổ phần Xây dựng và Du lịch Cát Bà với đơn giá được tính như sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{98.200 \times 50 + 98.680 \times 10.000}{50 + 10.000} = 98.678\text{đ}$$

Trị giá xuất kho ngày 06/10 = 200 x 98.678 = 19.735.600đ.

- Ví dụ 4 (minh họa tiếp ví dụ 2): Ngày 17/10/2017, Công ty bán cho Công ty cổ phần VP 50m² gạch thẻ mã DV01L2: 240x68x9mm màu đỏ nhạt với đơn giá 93.400đ/m² (chưa có VAT 10%), đã thu bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản bút toán giá vốn:

Nợ TK 632: 4.227.500

Có TK 155: 4.227.500

Căn cứ vào P XK 36/10 (biểu số 2.8), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.9). Từ số liệu trên ghi vào sổ cái TK 632 (biểu số 2.10)

Đơn giá xuất kho gạch thẻ mã DV01L2: 240x68x9mm màu đỏ nhạt như sau:

- Tồn đầu tháng 10: + Số lượng 5.000m²
+ Đơn giá: 83.600đ/m²
+ Thành tiền: 5.000 × 83.600 = 418.000.000đ
- Ngày 10/10: Xuất kho cho Đại lý Vững Hương 700m² gạch thẻ mã DV01L2 màu đỏ nhạt. Trị giá xuất ngày 10/06: 700 × 83.600 = 58.520.000đ
- Ngày 16/10: Xuất kho bán cho Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Trường Việt 4.000m² gạch thẻ mã DV01L2 màu đỏ nhạt. Trị giá xuất ngày 16/06: 4.000 × 83.600 = 334.400.000đ

- Ngày 16/10 nhập kho thành phẩm: + Số lượng: 500m²
 - + Đơn giá: 85.120đ/m²
 - + Thành tiền: 500 × 85.120
 - = 42.560.000đ

- Ngày 17/10, công ty bán 50m² cho Công ty cổ phần VP gạch thẻ mã DV01L2 màu đỏ nhạt với đơn giá được tính như sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{83.600 \times 300 + 85.120 \times 500}{300 + 500} = 84.550\text{đ}$$

Trị giá xuất kho ngày 17/10 = 50 x 84.550 = 4.227.500đ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM ĐẤT VIỆT

Xã Tràng An - Huyện Đông Triều - QN

Mẫu số: 02 - VT

(Ban hành theo TT số: 133/2016/TT- BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO*Ngày 06 tháng 10 năm 2017*

Số: 07/10

Nợ TK632:

Có TK155:

Họ và tên người nhận: Nguyễn Văn Minh

Địa chỉ: Phòng Kinh Doanh

Xuất tại kho: Số 03 Địa điểm: Xã Tràng An - Huyện Đông Triều - Tỉnh Quảng Ninh.

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạch lát nền mã DV03L5 KT: 500x500x14mm màu đỏ đậm	DV03L5	M ²	200	200	98.678	19.735.600
	Cộng			200	200	98.678	19.735.600

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười chín triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm đồng chẵn./

Chứng từ gốc kèm theo: HĐGTGT 0000768

*Ngày 06 tháng 10 năm 2017***Người lập phiếu***(Ký, họ tên)***Người nhận***(Ký, họ tên)***Thủ kho***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, đóng dấu)***Biểu số 2.7 – Phiếu xuất kho số 07/10**

CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM ĐẤT VIỆT Xã Tràng An - Huyện Đông Triều - QN				Mẫu số: 02 - VT (Ban hành theo TT số: 133/2016/TT- BTC Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)			
PHIẾU XUẤT KHO <i>Ngày 17 tháng 10 năm 2017</i>				Số: 36/10 Nợ TK632: Có TK155:			
Họ và tên người nhận: Nguyễn Phương Linh Địa chỉ: Phòng Kinh doanh Xuất tại kho: Số 03 Địa điểm: Xã Tràng An - Huyện Đông Triều - Tỉnh Quảng Ninh.							
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạch thẻ mã DV01L2 KT: 240x68x9mm màu đỏ nhạt	DV01L2	M ²	50	50	84.550	4.227.500
	Cộng			50	50	84.550	4.227.500
Tổng số tiền (viết bằng chữ): <i>Bốn triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng chẵn./</i> Chứng từ gốc kèm theo: HĐGTGT 0000779							
<i>Ngày 17 tháng 10 năm 2017</i>							
Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nhận <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ kho <i>(Ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>			Giám đốc <i>(Ký, đóng dấu)</i>	

Biểu số 2.8 – Phiếu xuất kho số 36/10

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GỐM ĐẤT VIỆT
Địa chỉ: xã Trảng An - huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh
- Việt Nam.

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT - BTC) ngày
26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
....
06/10	HĐ GTGT 0000767 PC 10/01	06/10	Thanh toán tiền máy in Canon PIXMA G1000 cho Công Ty TNHH Phát triển Thương Mại và Dịch Vụ ĐỒ GIA	154 133	111	2.790.000 279.000	3.069.000
06/10	PX 07/10	06/10	Xuất kho 200m2 gạch lát nền mã DV03L5: 500x500x14mm cho Công ty CP Xây dựng và du lịch Cát Bà	632		19.735.600	
				155			19.735.600
06/10	GBC 06/10 HĐ GTGT 0000768	06/10	Bán 200m2 gạch lát nền mã DV03L5: 500x500x14mm cho Công ty CP Xây dựng và du lịch Cát Bà thu bằng chuyên khoản	112	5111 3331	31.614.000	28.740.000 2.874.000
...
17/10	PX 36/10	17/10	Xuất kho 50m2 gạch thẻ mã DV01L2: 240x68x9mm cho Công ty CP VP	632		4.227.500	
				155			4.227.500
17/10	PT 26/10 HĐ GTGT 0000779	17/10	Bán 50m2 gạch thẻ mã DV01L2: 240x68x9mm cho Công ty CP VP thu bằng tiền mặt	111	5111 3331	5.137.000	4.670.000 467.000
18/10	PX 37/10	18/10	Xuất kho 300 viên gạch bạc thêm mã DV04B: 400x300x14mm cho Công ty TNHH Trúc Mai chưa thu tiền	632	155	14.670.000	14.670.000
...
			Tổng cộng			38.167.225.680	38.167.225.680

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biên
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.9 – Sổ Nhật ký chung (trích)

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM ĐẤT VIỆT

Địa chỉ: xã Trảng An - huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh – Việt Nam.

Mẫu số S03b- DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT - BTC) ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu TK: 632

Đơn vị tính: đồng

NT Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
02/10	PX 06/10	02/10	Xuất kho 250 viên ngói nóc to M7 KT: 340x170x15mm	155	4.640.000	
03/10	PX 07/10	03/10	Xuất kho 200m2 gạch lát nền mã DV03L5: 500x500x14mm màu đỏ đậm cho Công ty CP Xây dựng và du lịch Cát Bà	155	19.735.600	
.....
17/10	PX 36/10	17/10	Xuất kho 50m2 gạch thẻ mã DV01L2: 240x68x9mm màu đỏ nhạt cho Công ty CP VP	155	4.227.500	
18/10	PX 37/10	18/10	Xuất kho 300 viên gạch bạc thêm mã DV04B: 400x300x14mm cho Công ty TNHH Trúc Mai	155	14.670.000	
...
31/12	PKT 26/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		3.256.912.457
			Cộng số phát sinh		3.256.912.457	3.256.912.457
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)**Biểu số 2.10 – Sổ cái TK 632 (trích)**

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh:**2.2.3.1. Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh:**

Tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

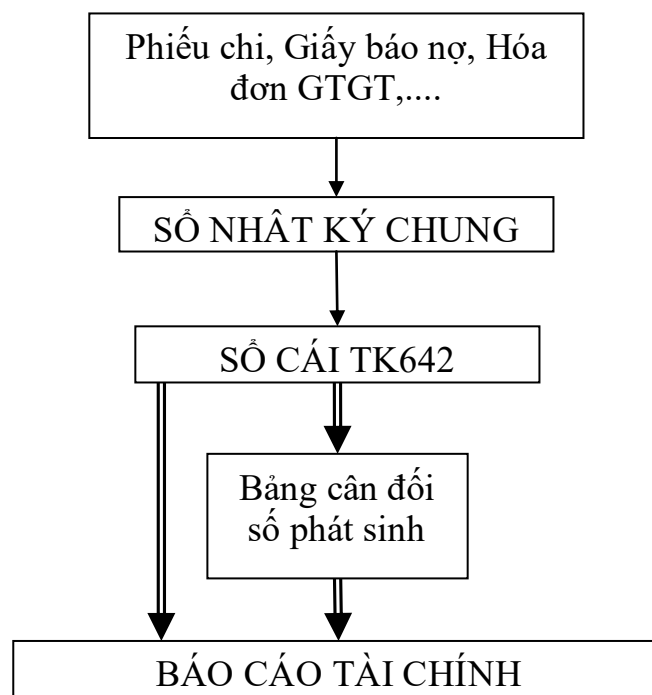
- + Chi phí về lương nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý doanh nghiệp.
- + Chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí về đồ dùng văn phòng, các khoản chi phí khác,...

2.2.3.2. Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy Báo nợ ngân hàng
- Bảng phân bổ phân bổ lương, các khoản trích theo lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.3.3. Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 112, 131,....

2.2.3.4. Quy trình hạch toán:

Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

 ==> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.6 – Quy trình hạch toán chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt

✚ Ví dụ minh họa:

• Ví dụ 5: Ngày 11/10 công ty chi tiền mặt thanh toán tiền cước điện thoại tháng 9 của bộ phận bán hàng với số tiền 1.161.958 đồng (đã có VAT)

Kế toán hạch toán: Nợ TK6421: 1.056.325

Nợ TK133: 105.633

Có TK111: 1.161.958

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông (biểu số 2.11) và các chứng từ có liên quan kế toán lập Phiếu chi 15/10 (biểu số 2.12).

Kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.13) và Sổ cái (biểu số 2.14)



HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)
 Tháng 09/2017

Mẫu số: 01GTKT0/001
 Ký hiệu (Serial No): AD/17E
 Số (No): 3494899

Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)

Mã số thuế: 0106869738 – 203

Viễn thông (Telecommunication): Quảng Ninh – TT Dịch vụ Khách hàng

Địa chỉ: Tòa nhà VNPT - Số 1 - Đường 25/4 - Bạch Đằng - Hạ Long – QN

Tên khách hàng (Customer's name): Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt

MST: 5700865777

Địa chỉ (Address): xã Tràng An - Đông Triều - Quảng Ninh

Số điện thoại (Tel): 02033.598.989 Mã số (Code): QNID00951110

Hình thức thanh toán (Kind of payment): CK/TM

STT (No)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (Kind of service)	ĐVT (Unit)	SỐ LƯỢNG (Quantity)	ĐƠN GIÁ (Price)	THÀNH TIỀN (Amount) VNĐ
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Các khoản chịu thuế				1.056.325
2	Các khoản không chịu thuế và thu khác				0
3	Khuyến mại (không thu tiền)				0
4	Các khoản truy thu, giảm trừ				0
Cộng tiền dịch vụ (Total) (A)=(1+2-3+4):					1.056.325
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x(1-3)= (B):				Tiền thuế GTGT (VAT amount)	105.633
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (C)=(A+B):					1.161.958

Số tiền viết bằng chữ (In words): Một triệu một trăm sáu mươi một nghìn chín trăm năm mươi tám đồng./

Ngày 11 tháng 10 năm 2017

Người nộp tiền ký
 (Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký
 (Signature of dealing staff)

Biểu số 2.11 – Hóa đơn dịch vụ viễn thông

Đơn vị: Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt**Mẫu số: 02 - TT****Địa chỉ:** xã Tràng An - huyện Đông Triều - tỉnh
Quảng Ninh – Việt Nam.(Ban hành theo Thông tư số:
133/2016/TT- BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Tài
chính)

Quyển số:.....05.....

Số:15/10.....

Nợ TK6421:

Nợ TK133:

Có TK111:

PHIẾU CHI*Ngày 11 tháng 10 năm 2017*

Họ tên người nhận tiền: Mai Thu Trang

Địa chỉ: Phòng Kế toán

Lý do chi: Chi tiền thanh toán cước điện thoại tháng 09/2017

Số tiền : 1.161.958 (Viết bằng chữ): Một triệu một trăm sáu mươi một nghìn chín
trăm năm mươi tám đồng./

Kèm theo: ...01.... Chứng từ gốc

Ngày 11 tháng 10 năm 2017

Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
--	---	--	--	--------------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu một trăm sáu mươi một nghìn chín
trăm năm mươi tám đồng./

+ Tỷ giá ngoại tệ:

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu số 2.12 – Phiếu chi số 15/10

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GỐM ĐẤT VIỆT

Địa chỉ: xã Tràng An - huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh
– Việt Nam.

Mẫu số S03a- DNN

(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT - BTC) ngày
26/08/2016 của Bộ Tài chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
....
06/10	HĐ GTGT 0000767 PC 10/01	06/10	Thanh toán tiền máy in Canon PIXMA G1000 cho Công Ty TNHH Phát triển Thương Mại và Dịch Vụ ĐỒ GIA	154 133	111	2.790.000 279.000	3.069.000
06/10	PX 07/10	06/10	Xuất kho 200m2 gạch lát nền mã DV03L5: 500x500x14mm cho Công ty CP Xây dựng và du lịch Cát Bà	632	155	19.735.600	19.735.600
06/10	GBC 06/10 HĐ GTGT 0000768	06/10	Bán 200m2 gạch lát nền mã DV03L5: 500x500x14mm cho Công ty CP Xây dựng và du lịch Cát Bà thu bằng chuyển khoản	112	5111 3331	31.614.000	28.740.000 2.874.000
...
11/10	HĐ GTGT 3494899 PC 15/10	11/10	Chi tiền thanh toán dịch vụ viễn thông	6421 133	111	1.056.325 105.633	1.161.958
...
17/10	PX 36/10	17/10	Xuất kho 50m2 gạch thẻ mã DV01L2: 240x68x9mm cho Công ty CP VP	632	155	4.227.500	4.227.500
17/10	PT 26/10 HĐ GTGT 0000779	17/10	Bán 50m2 gạch thẻ mã DV01L2: 240x68x9mm cho Công ty CP VP thu bằng tiền mặt	111	5111 3331	5.137.000	4.670.000 467.000
18/10	PX 37/10	18/10	Xuất kho 300 viên gạch bạc thêm mã DV04B: 400x300x14mm cho Công ty TNHH Trúc Mai chưa thu tiền	632	155	14.670.000	14.670.000
...
			Tổng cộng			38.167.225.680	38.167.225.680

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)Kê toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)**Biểu số 2.13 – Sổ Nhật ký chung (trích)**

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM ĐẤT VIỆT
Địa chỉ: xã Trảng An - huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh
– Việt Nam.

Mẫu số S03b- DNN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT - BTC) ngày
26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu TK: 642

Đơn vị tính: đồng

NT Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
...
11/10	PC 15/10	11/10	Thanh toán dịch vụ viễn thông	111	1.056.325	
.....	
19/10	PC 20/10	19/10	Chi quảng cáo, tiếp thị	155	3.600.000	
20/10	PC 21/10	20/10	Chi mua văn phòng phẩm	155	4.506.000	
...
31/12	PKT 26/12	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD	911		589.436.578
			Cộng số phát sinh		589.436.578	589.436.578
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.14 – Sổ cái TK 642 (trích)

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính:**2.2.4.1. Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính:**

– Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt bao gồm các khoản lãi như: lãi tiền gửi ngân hàng.

– Trong năm 2017, công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí tài chính.

2.2.4.2. Chứng từ sử dụng:

– Giấy báo nợ, giấy báo có.

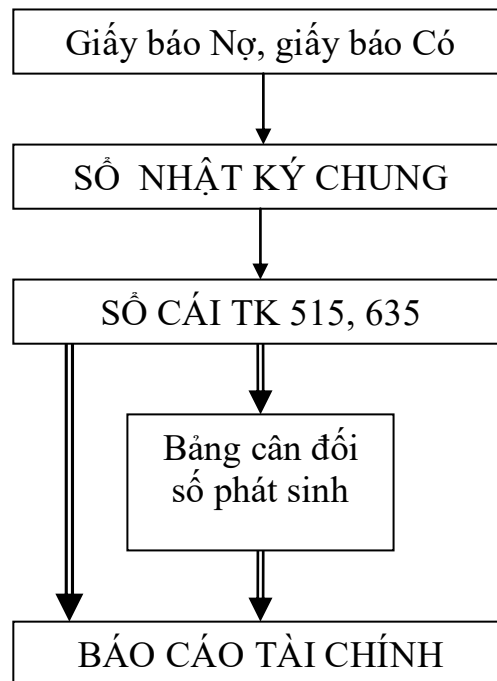
– Sổ phụ ngân hàng.

2.2.4.3. Tài khoản sử dụng:

– Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính.

– Tài khoản 635: Chi phí tài chính.

– Các tài khoản khác có liên quan như: TK112,...

2.2.4.5. Quy trình hạch toán:

Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.7 – Quy trình hạch toán hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt

✚ Ví dụ minh họa:


• Ví dụ 6: Ngày 25/10/2017, ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam trả lãi tiền gửi, số tiền là 385.611 đồng.

Căn cứ vào giấy báo Có của ngân hàng (biểu số 2.15), kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.16), sau đó vào sổ cái TK515 (biểu số 2.17).

Kế toán định khoản:

Nợ TK112: 385.611

Có TK515: 385.611

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM		
Chi nhánh: Nguyễn Bình – Đông Triều		
GIẤY BÁO CÓ		
<i>Ngày 25 tháng 10 năm 2017</i>		
		<i>Mã GDV:</i>
		<i>Mã KH: 10062918</i>
		<i>Số GD:</i>
Kính gửi: CTY CP GÓM ĐẤT VIỆT	Số tài khoản: 44510000090465	
Địa chỉ: XÃ TRÀNG AN - HUYỆN ĐÔNG TRIỀU - TỈNH QUẢNG NINH	Loại tiền: VND	
Giấy phép kinh doanh: 2203001416	Loại tài khoản: VND-TGTT-CT CP GOM DAT VIET	
Mã số thuế: 5700865777	Số bút toán hạch toán: FT1634191257/BNK	
BIDV xin thông báo đã ghi có tài khoản tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:		
Nội dung	Số tiền	
CITAD inward Payment	385.611	
Tổng số tiền	385.611	
Số tiền bằng chữ: <i>Ba trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm mười một đồng./</i>		
Diễn giải: LÃI NHẬP VỐN.		
Lập phiếu	Kiểm soát	Kế toán trưởng

Biểu số 2.15 – GBC 25/10 – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GỐM ĐẤT VIỆT

Địa chỉ: xã Trảng An - huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh – Việt Nam.

Mẫu số S03a- DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT - BTC) ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đôi ứng		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
...
06/10	PX 07/10	06/10	Xuất kho 200m ² gạch lát nền mã DV03L5: 500x500x14mm cho Công ty CP Xây dựng và du lịch Cát Bà	632	155	19.735.600	19.735.600
06/10	GBC 06/10 HĐ GTGT 0000768	06/10	Bán 200m ² gạch lát nền mã DV03L5: 500x500x14mm cho Công ty CP Xây dựng và du lịch Cát Bà thu bằng chuyển khoản	112	5111 3331	31.614.000	28.740.000 2.874.000
...
11/10	HĐ GTGT 3494899 PC 15/10	11/10	Chi tiền thanh toán dịch vụ viễn thông	6421 133	111	1.056.325 105.633	1.161.958
17/10	PX 36/10	17/10	Xuất kho 50m ² gạch thẻ mã DV01L2: 240x68x9mm cho Công ty CP VP	632	155	4.227.500	4.227.500
17/10	PT 26/10 HĐ GTGT 0000779	17/10	Bán 50m ² gạch thẻ mã DV01L2: 240x68x9mm cho Công ty CP VP thu bằng tiền mặt	111	5111 3331	5.137.000	4.670.000 467.000
...
25/10	GBC 25/10	25/10	Lãi tiền gửi tháng 10	112	515	385.611	385.611
...
			Tổng cộng			38.167.225.680	38.167.225.680

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)Kê toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)**Biểu số 2.16 – Sổ Nhật ký chung (trích)**

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM ĐẤT VIỆT

Mẫu số S03b- DNN

Địa chỉ: xã Trảng An - huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh
– Việt Nam.(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT - BTC) ngày
26/08/2016 của Bộ Tài chính)**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu TK: 515

Đơn vị tính: đồng

NT Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
...
25/06	GBC 25/06	25/06	Lãi tiền gửi tháng 6	112		189.564
.....	
25/10	GBC 25/10	25/10	Lãi tiền gửi tháng 10	112		385.611
.....
25/12	GBC 25/12	25/12	Lãi tiền gửi tháng 12	112		402.562
31/12	PKT 25/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	4.289.651	
			Cộng số phát sinh		4.289.651	4.289.651
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.17 – Sổ cái TK 515 (trích)

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác:

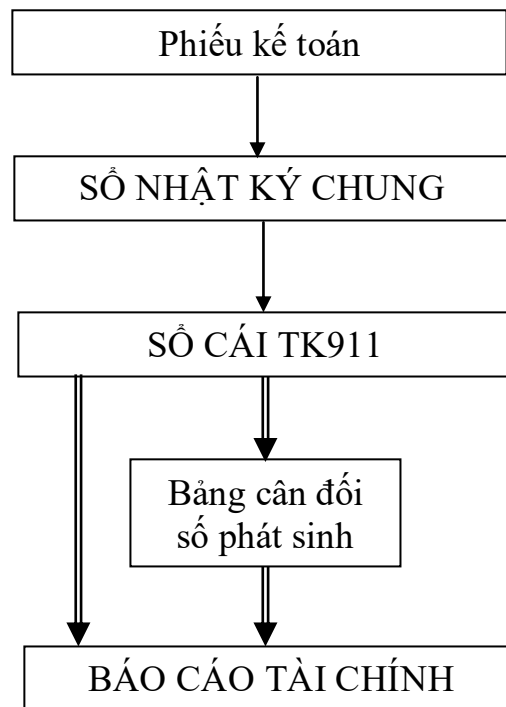
Trong năm 2017, công ty không phát sinh nghiệp vụ nào liên quan tới thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:**2.2.6.1. Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán.

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng:

- TK632: Giá vốn hàng bán
- TK635: Chi phí hoạt động tài chính
- TK642: Chi phí quản lý kinh doanh
- TK821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

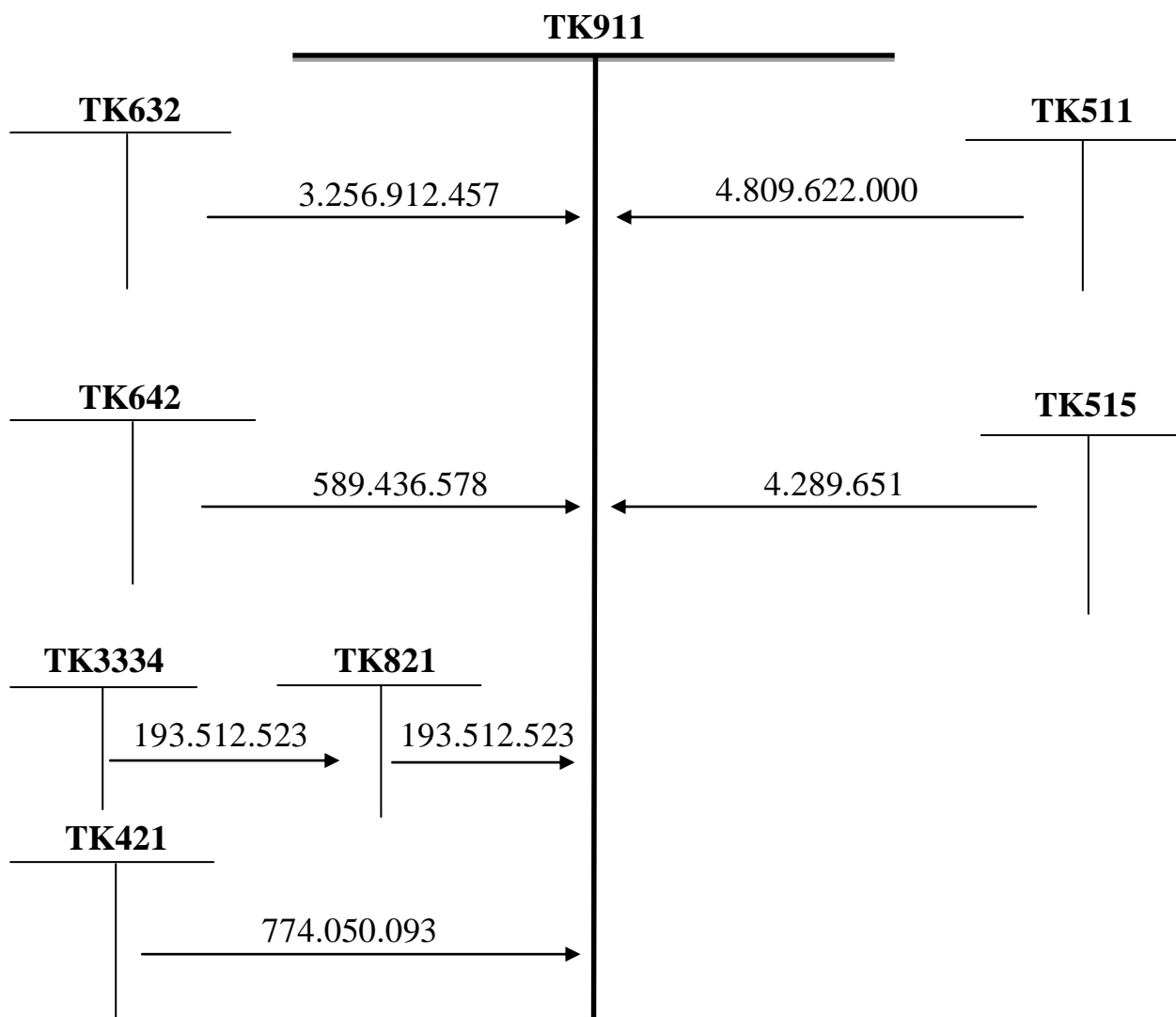
2.2.6.3. Quy trình hạch toán:

Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày

\Longrightarrow Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

Sơ đồ 2.8 – Quy trình xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt

Kết quả xác định kết quả kinh doanh năm 2017 của công ty được khái quát qua sơ đồ 2.9 như sau:



Sơ đồ 2.9 – Xác định kết quả kinh doanh năm 2017 của công ty

Cuối năm căn cứ vào các bút toán thực hiện kết chuyển, kế toán lập các phiếu kế toán để ghi sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK911.

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận trước thuế} &= 4.809.622.000 + 4.289.651 - 3.256.912.457 + 589.436.578 \\ &= 967.562.616 \end{aligned}$$

Khi đó:

$$\text{Thuế TNDN} = 967.562.616 \times 20\% = 193.512.523$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = 967.562.616 - 193.512.523 = 774.050.093$$

Kết quả kinh doanh năm 2017 của doanh nghiệp: Lãi

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM ĐẤT VIỆT**Địa chỉ:** xã Tràng An - huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh – Việt Nam.**PHIẾU KẾ TOÁN****Số: 25/12***Ngày 31 tháng 12 năm 2017*

Diễn giải: Kết chuyển doanh thu năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Tài khoản	Nội dung	Số phát sinh	
		Nợ	Có
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.809.622.000	
515	Doanh thu hoạt động tài chính	4.289.651	
911	Xác định kết quả kinh doanh		4.813.911.651
	Cộng	4.813.911.651	4.813.911.651

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập <i>(Ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Giám đốc <i>(Ký, họ tên)</i>
---	--	--

Biểu số 2.18 – Phiếu kế toán số 25/12**Đơn vị:** CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM ĐẤT VIỆT**Địa chỉ:** xã Tràng An - huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh – Việt Nam.**PHIẾU KẾ TOÁN****Số: 26/12***Ngày 31 tháng 12 năm 2017*

Diễn giải: Kết chuyển chi phí năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Tài khoản	Nội dung	Số phát sinh	
		Nợ	Có
632	Giá vốn hàng bán	3.256.912.457	
642	Chi phí quản lý kinh doanh	589.436.578	
911	Xác định kết quả kinh doanh		3.846.349.035
	Cộng	3.846.349.035	3.846.349.035

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập <i>(Ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Giám đốc <i>(Ký, họ tên)</i>
---	--	--

Biểu số 2.19 – Phiếu kế toán số 26/12

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM ĐẤT VIỆT
Địa chỉ: xã Tràng An - huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh – Việt Nam.

PHIẾU KẾ TOÁN
Số: 27/12
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Diễn giải: Xác định thuế TNDN phải nộp năm 2017 *Đơn vị tính: Đồng*

Tài khoản	Nội dung	Số phát sinh	
		Nợ	Có
821	Chi phí thuế TNDN	193.512.523	
3334	Thuế TNDN		193.512.523
	Cộng	193.512.523	193.512.523

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập <i>(Ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Giám đốc <i>(Ký, họ tên)</i>
---	--	--

Biểu số 2.20 – Phiếu kế toán số 27/12

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM ĐẤT VIỆT
Địa chỉ: xã Tràng An - huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh – Việt Nam.

PHIẾU KẾ TOÁN
Số: 28/12
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Diễn giải: Kết chuyển chi phí thuế TNDN phải nộp năm 2017 *Đơn vị tính: Đồng*

Tài khoản	Nội dung	Số phát sinh	
		Nợ	Có
911	Xác định kết quả kinh doanh	193.512.523	
821	Chi phí thuế TNDN		193.512.523
	Cộng	193.512.523	193.512.523

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập <i>(Ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Giám đốc <i>(Ký, họ tên)</i>
---	--	--

Biểu số 2.21 – Phiếu kế toán số 28/12

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GỐM ĐẤT VIỆT**Địa chỉ:** xã Tràng An - huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh – Việt Nam.**PHIẾU KẾ TOÁN****Số: 29/12***Ngày 31 tháng 12 năm 2017*

Diễn giải: Kết chuyển lãi năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Tài khoản	Nội dung	Số phát sinh	
		Nợ	Có
911	Xác định kết quả kinh doanh	774.050.093	
421	Lợi nhuận chưa phân phối		774.050.093
	Cộng	774.050.093	774.050.093

*Ngày 31 tháng 12 năm 2017***Người lập***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)***Biểu số 2.22 – Phiếu kế toán số 29/12**

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GỐM ĐẤT VIỆT
Địa chỉ: xã Tràng An - huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh – Việt Nam.

Mẫu số S03a- DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT - BTC) ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
....
31/12	PKT 25/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	4.809.622.000	4.809.622.000
			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	4.289.651	4.289.651
31/12	PKT 26/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	3.256.912.457	3.256.912.457
			Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	589.436.578	589.436.578
31/12	PKT 27/12	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	193.512.523	193.512.523
31/12	PKT 28/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	193.512.523	193.512.523
31/12	PKT 29/12	31/12	Kết chuyển lãi	911	421	774.050.093	774.050.093
....
			Tổng cộng			38.167.225.680	38.167.225.680

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.23 – Sổ Nhật ký chung (trích)

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM ĐẤT VIỆT

Mẫu số S03b- DNNĐịa chỉ: xã Tràng An - huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh
– Việt Nam.(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT - BTC) ngày
26/08/2016 của Bộ Tài chính)**SỔ CÁI****Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh****Số hiệu TK: 911***Đơn vị tính: đồng*

NT Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
31/12	PKT 25/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		4.809.622.000
			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		4.289.651
31/12	PKT 26/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	3.256.912.457	
			Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	589.436.578	
31/12	PKT 28/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	193.512.523	
31/12	PKT 29/12	31/12	Kết chuyển lãi	421	774.050.093	
			Cộng số phát sinh		4.813.911.651	4.813.911.651
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.24 – Sổ cái TK911

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM ĐẤT VIỆT

Mẫu số S03b- DNNĐịa chỉ: xã Tràng An - huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh
– Việt Nam.(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT - BTC) ngày
26/08/2016 của Bộ Tài chính)**SỔ CÁI****Tên tài khoản: Chi phí thuế TNDN****Số hiệu TK: 821****Đơn vị tính: đồng**

NT Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
31/12	PKT 27/12	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	193.512.523	
31/12	PKT 28/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		193.512.523
			Cộng số phát sinh			
			<u>Số dư cuối kỳ</u>		193.512.523	193.512.523

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.25 – Sổ cái TK821

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM ĐẤT VIỆT

Mẫu số S03b- DNN

Địa chỉ: xã Tràng An - huyện Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh
– Việt Nam.(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT - BTC) ngày
26/08/2016 của Bộ Tài chính)**SỔ CÁI****Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối****Số hiệu TK: 421****Đơn vị tính: đồng**

NT Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			543.015.121
31/12	PKT 29/12	31/12	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	911		774.050.093
			Cộng số phát sinh			774.050.093
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			1.317.065.214

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.26 – Sổ cái TK421

Đơn vị : Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt

Địa chỉ : Thôn Trảng Bàng 2 - Xã Trảng An – Thị Xã Đông Triều - Quảng Ninh .

Mã số thuế : 5700865777

Mẫu số B02 – DNN

(ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT - BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng VN

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	IV.08	4.809.622.000	3.458.598.462
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10		4.809.622.000	3.458.598.462
4. Giá vốn hàng bán	11		3.256.912.457	2.479.115.923
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		1.552.709.543	979.482.539
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		4.289.651	3.496.416
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		589.436.578	311.942.130
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+21–22–24)	30		967.562.616	671.036.825
10. Thu nhập khác	31		0	17.692.780
11. Chi phí khác	32		0	9.960.704
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		0	7.732.076
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		967.562.616	678.768.901
14. Chi phí thuế TNDN	51		193.512.523	135.753.780
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51)	60		774.050.093	543.015.121

Lập, Ngày 31 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.27 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG III:**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN GỐM ĐẤT VIỆT**

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt:

3.1.1. Ưu điểm

– Về bộ máy tổ chức kế toán:

+ Bộ máy tổ chức kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, phù hợp với quy mô, đặc điểm và loại hình sản xuất kinh doanh của công ty. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ đối với công ty. Hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ của đội ngũ kế toán viên trong công ty. Bộ máy kế toán tổ chức quy củ, có kế hoạch, các báo cáo được lập nhanh chóng, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ công tác quản lý.

– Về hạch toán ghi sổ:

+ Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Hình thức này đơn giản, sổ sách kế toán mở đầy đủ phù hợp với hoạt động kinh doanh tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ

– Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

+ Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu được cập nhật đều đặn hàng ngày, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu

+ Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí đều được ghi chép cẩn thận, kịp thời nhằm tránh tình trạng chi khổng, lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Giúp doanh nghiệp có thể quản lý các chi phí một cách hợp lý hơn.

+ Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty, giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn nhất.

3.1.2. Hạn chế

– Hạch toán ở công ty chủ yếu được ghi chép bằng tay. Hệ thống máy ở phòng kế toán chưa thực sự được sử dụng một cách hiệu quả để phục vụ cho công tác kế toán, công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán trong việc hạch toán.

– Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên nhưng lại thanh toán chậm. Nợ nhiều dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Tuy vậy công ty lại chưa tiến hành các khoản dự phòng cho số khách hàng khó đòi và hàng hóa tồn kho (dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho) nên lường trước rủi ro trong kinh doanh. Như vậy đã làm sai nguyên tắc thận trọng của kế toán. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh của kỳ đó.

– Công ty vẫn chưa hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí nhằm theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp cho từng mặt hàng.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế thị trường đầy rủi ro và tính cạnh tranh cao, mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất đến mức có thể.

Mặt khác, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Gốm Đất Việt chưa thực sự được hoàn thiện, vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động của doanh nghiệp chưa phát huy hết được hiệu quả tối đa. Bởi vậy việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng là hết sức cần thiết.

Công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh hiệu quả sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa và sử dụng các khoản chi phí, đồng thời giúp nhà quản lý nắm bắt được tình hình tài chính cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kì một cách chính xác và kịp thời. Từ đó giúp nhà quản lý xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển doanh nghiệp và quyết định đầu tư đúng đắn, đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh:

– Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Gốm Đất Việt phải đảm bảo được các yêu cầu sau:

+ Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

+ Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi.

+ Đảm bảo nguyên tắc thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng như giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

+ Đảm bảo thực hiện đúng chế độ kế toán nhà nước ban hành.

– Để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp cần tìm các biện pháp để khắc phục những hạn chế, thiếu sót đồng thời phát huy những ưu điểm đạt được trong công tác hạch toán.

3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt

3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc đưa phần mềm kế toán vào công tác kế toán

Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì nhân viên kế toán không những có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bên cạnh đó phải có kiến thức về công nghệ mới, áp dụng được khoa học công nghệ vào công việc.

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán như:

* Phần mềm kế toán CeAC (Giá:



Phần mềm kế toán CeAC là phần mềm kế toán online của CMC Soft được triển khai trên nền điện toán đám mây, giúp doanh nghiệp tiết kiệm tới 92% chi phí đầu tư và bảo trì so với các phần mềm kế toán sản xuất thông thường khác. Nghiệp vụ kế

toán phi hạch toán thông minh của CeAC giúp đơn giản hóa công tác kế toán, tăng

tính chính xác của dữ liệu. Phân hệ Sản xuất được thiết kế với những tính năng chính: Nhập mã thành phẩm từ quy trình sản xuất; Xuất kho nguyên vật liệu để sản xuất; Nhập kho thành phẩm.

Giải pháp kỹ thuật mạnh mẽ của CeAC giúp các doanh nghiệp sản xuất tiết kiệm tối đa chi phí và có thể nâng cấp hệ thống theo nhu cầu mở rộng quy mô của doanh nghiệp.

* Phần mềm kế toán MISA.SME.NET 2017



Phần mềm kế toán Misa là phần mềm kế toán sản xuất thông dụng cho các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ. Phần mềm được sử dụng khá phổ biến bởi nó hỗ trợ nhiều phân hệ, giao diện thân thiện dễ sử dụng và cho phép người dùng dễ dàng quản lý.

Các phân hệ của phần mềm này đáp ứng tương đối tốt các yêu cầu của một phần mềm kế toán sản xuất như: Tập hợp các chi phí trực tiếp, phân bổ chi phí gián tiếp, đánh giá sản phẩm dở dang, tính giá thành sản phẩm,...

Giá: Miễn phí – 12.950.000đ/ Gói (chưa bao gồm chi phí dịch vụ cài đặt, đào tạo, tư vấn)

* Phần mềm kế toán Fast Accounting:



Phần mềm kế toán Fast Accounting là phần mềm kế toán sản xuất nổi bật với chi phí thấp và khả năng quản trị tốt. Fast Accounting cho phép khai báo đối tượng tính giá thành một cách mềm dẻo, chi phí phát sinh được cập nhật và tập hợp theo các cách khác nhau, có tính năng giúp kiểm tra những sai sót có thể xảy ra trong quá trình nhập liệu. Bên cạnh đó phần mềm còn có các nhóm báo cáo giá thành sản phẩm rất phong phú, phục vụ đặc lực cho công tác phân tích và quản trị.

Giá: 5.900.000đ – 11.900.000đ (chưa bao gồm chi phí dịch vụ cài đặt, đào tạo, tư vấn).

Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của Công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban Giám đốc. Giúp ban Giám đốc có thể đưa ra quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh.

Các phần mềm kế toán đều có chức năng lưu trữ các báo cáo với các mục đích khác nhau, theo dõi công nợ, thanh toán cho nhà cung cấp và quản lý bảng lương nhân viên,...giúp cho việc theo dõi, kiểm tra của nhà quản lý được thuận lợi và dễ dàng hơn. Để phù hợp với quy mô của Công ty thì kế toán trưởng nên lựa chọn phần mềm kế toán MISA. Một số giao diện về phần mềm:



Hình 1: Giao diện phần mềm kế toán MISA

– Thông tin về giá:

STT	Gói sản phẩm/dịch vụ	ĐVT	Giá	Mô tả chi tiết
1	Express	Gói	Miễn phí	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2017 - đầy đủ 16 phân hệ: Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp. Số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
2	Starter	Gói	2,950,000	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2017 - đầy đủ 16 phân hệ: Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp. Số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 1.000 chứng từ/năm.
3	Standard	Gói	6,950,000	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2017 – 11 phân hệ: Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Công cụ dụng cụ, Tổng hợp. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm.
4	Professional	Gói	9,950,000	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2017 – 13 phân hệ: Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Công cụ dụng cụ, Tài sản cố định, Tiền lương, Tổng hợp. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm.
5	Enterprise	Gói	12,950,000	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2017 - đầy đủ 16 phân hệ: Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Công cụ dụng cụ, Tài sản cố định, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm.

(Theo thông tin đơn vị cung cấp: Công ty CP Misa)

Biểu số 3.1 - Bảng báo giá phần mềm kế toán MISA SME.NET2017

3.4.2. Kiến nghị 2: Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết

Để hoàn thiện hơn hệ thống sổ kế toán tại công ty, kiến nghị công ty nên lập các sổ chi tiết để tiện theo cho các khoản doanh thu và chi phí, đồng thời cũng nắm rõ được tình hình phát sinh, tăng giảm của từng loại doanh thu, chi phí. Từ đó, giúp cho ban lãnh đạo công ty có những giải pháp cụ thể để quản lý và điều hành công ty một cách hiệu quả hơn.

Đề xuất 2 mẫu sổ: Sổ chi tiết bán hàng (biểu 3.2) và Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu 3.3).

Đơn vị:			Mẫu số: S16 – DNN						
Địa chỉ:			<i>(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT/BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)</i>						
SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG									
Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):									
Năm....									
Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Cộng số phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						
- Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...					Ngày ... tháng ... năm.....				
- Ngày mở sổ: ...									
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc			
<i>(Ký, họ tên)</i>			<i>(Ký, họ tên)</i>			<i>(Ký, họ tên)</i>			

Biểu số 3.2 – Sổ chi tiết bán hàng

- **Ví dụ:** Với nghiệp bán hàng tại ví dụ 1 phần 2.2.1, ngoài việc ghi chép vào sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào sổ chi tiết bán hàng cho từng mặt hàng cụ thể.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000768, kế toán ghi vào sổ chi tiết bán hàng cho mặt hàng gạch lát nền mã DV03L5: 500x500x14mm màu đỏ đậm (Biểu số 3.4)

Với các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến chi phí quản lý kinh doanh. Kế toán tiến hành vào Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh (Biểu số 3.5 và Biểu số 3.6) để theo dõi cụ thể từng yếu tố chi phí phát sinh.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt
Địa chỉ: xã Trảng An - huyện Đông Triều - Quảng Ninh.

Mẫu số: S16 – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT/BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): **Gạch lát nền**

Năm 2017

Ngày tháng g ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			SL	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh						
...
06/10	HĐ GTGT 0000768	06/10	Bán hàng cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Du lịch Cát Bà	112	200	143.700	28.740.000		
...
			Cộng số phát sinh						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

- Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Ngày mở sổ: ...

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 3.4 – Sổ chi tiết bán hàng Gạch lát nền

Đơn vị: Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt				Mẫu số S17-DNN			
Địa chỉ: xã Tràng An - huyện Đông Triều - Quảng Ninh.				<i>(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT/BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)</i>			
SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH							
Tài khoản: 632							
Tên sản phẩm dịch vụ: Gạch lát nền							
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ TK 632		
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng	Số lượng	Đơn giá
A	B	C	D	E	1	2	3
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh trong kỳ				
...
06/10	PX 07/10	06/10	Giá vốn bán hàng hóa đơn số 0000768 cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Du lịch Cát Bà	156	19.735.600	200	98.678
...
			Cộng số phát sinh trong kỳ				
			Ghi có TK				
			Số dư cuối kỳ				
Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...							
Ngày mở sổ: ...				Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Người ghi sổ				Kế toán trưởng			
<i>(Ký, họ tên)</i>				<i>(Ký, họ tên)</i>			

Biểu số 3.5 – Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

Đơn vị: Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt
Địa chỉ: xã Trảng An - huyện Đông Triều - Quảng Ninh.

Mẫu số S17-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT/BTC
 ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tài khoản: 6421 - Chi phí bán hàng

Tên sản phẩm dịch vụ:

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKDU'	Ghi có TK 642				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
						Lương	...	Chi phí dịch vụ mua ngoài	Chi phí bằng tiền khác
A	B	C	D	E	F	1	...	2	3
			Sô dư đầu kỳ						
			Sô phát sinh trong kỳ						
...
11/10	HĐ GTGT 3494899 PC 15/10	11/10	Chi tiền thanh toán dịch vụ viễn thông tháng 09	111	1.056.325			1.056.325	
...
			Cộng sô phát sinh trong kỳ						
			Ghi nợ TK 911						
			Sô dư cuối kỳ						

Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...
 Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kê toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu số 3.6 – Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

3.4.3. Kiến nghị 3: Hoàn thiện việc lập dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt:

Hiện nay, công ty có một số khách hàng quá hạn thanh toán trong khi đó công ty chưa tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi. Đây chính là một bất lợi lớn khi việc gặp phải rủi ro không thu hồi được là rất cao.

❖ Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:

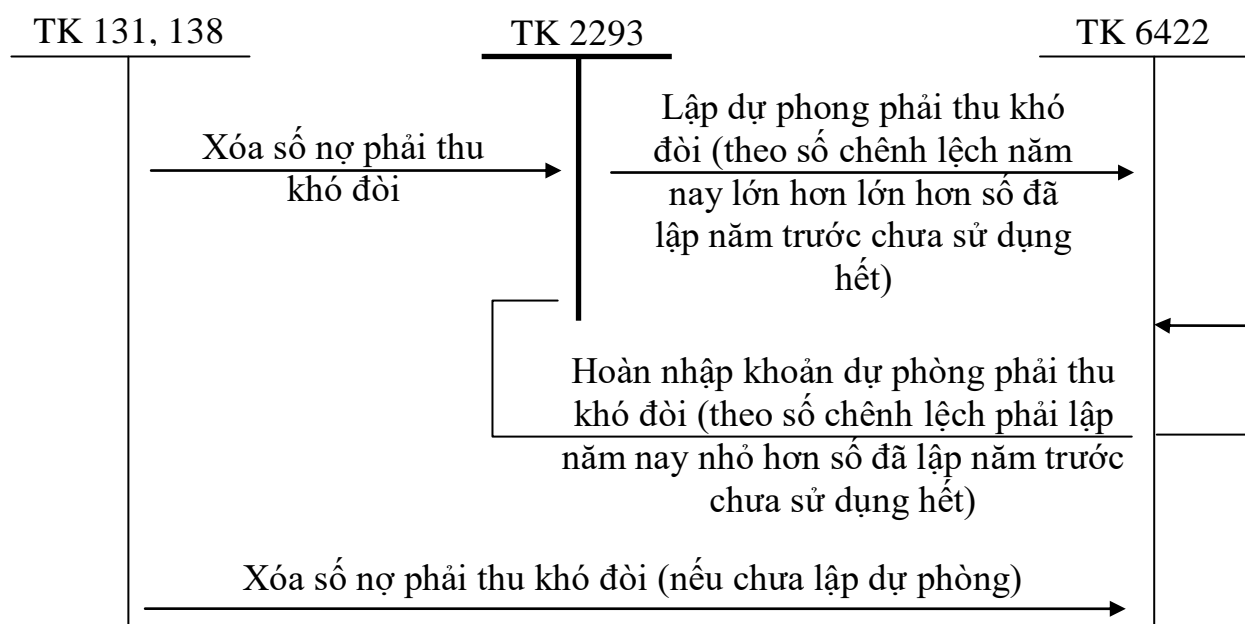
Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi kèm theo các chứng từ chứng minh các nợ khó đòi nói trên.

Trong đó: Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng trích lập
06 tháng $\leq T \leq$ 01 năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
01 năm $< T <$ 02 năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
02 năm $< T <$ 03 năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
$T >$ 03 năm	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách hàng nợ đã rơi vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, bị cơ quan pháp luật truy tố,... thì doanh nghiệp quy định mức tổn thất không thu hồi được để lập dự phòng. Sau khi lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp lại toàn bộ phần dự phòng vào bảng kê chi tiết để là, căn cứ hạch toán chi phí QLDN.

Kế toán trích lập phải thu khó đòi được thể hiện qua sơ đồ sau:



• **Ví dụ:** Từ bảng kê công nợ (Biểu số 3.7) và dựa vào mức trích lập dự phòng kế toán tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi (Biểu số 3.8) vào ngày 31/12 như sau:

Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt

Xã Tràng An - huyện Đông Triều - Quảng Ninh.

BẢNG KÊ CÔNG NỢ

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tên khách hàng	Số tiền nợ	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Không đòi được	Ghi chú
Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Trường Việt	68.927.000	68.927.000				
Công ty Cổ phần Thiết bị xây dựng Minh Bích	93.500.000			93.500.000		16 tháng 25 ngày
Công ty TNHH Trung Thành	25.784.632			25.784.632		06 tháng 21 ngày
Công ty Cổ phần Nam Sơn	58.694.230		58.694.230			
Công ty TNHH Viễn Dương	158.562.178	158.562.178				
.....
Tổng cộng	664.324.600	358.782.567	186.257.401	119.284.632		

Biểu số 3.7 – Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2017

Công ty Cổ phần Gôm Đất Việt

Xã Tràng An - huyện Đông Triều - Quảng Ninh.

BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tên khách hàng	Số tiền Nợ	Thời gian quá hạn thanh toán	Tỷ lệ trích lập	Số cần lập dự phòng
Công ty Cổ phần Thiết bị xây dựng Minh Bích	93.500.000	16 tháng 25 ngày	50%	46.750.000
Công ty TNHH Trung Thành	25.784.632	06 tháng 21 ngày	30%	7.735.390
Tổng cộng	119.284.632			54.485.390

Biểu số 3.8 – Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Kế toán định khoản:

Nợ TK 6422: 54.485.390

Có TK 2293: 54.485.390

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên và ghi vào các sổ sách có liên quan.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Qua thời gian thực tập tại công ty, với kiến thức đã học ở trường Đại học Dân lập Hải Phòng, được sự chỉ bảo tận tình của thầy cô giáo trong trường, đặc biệt được sự giúp đỡ nhiệt tình của **Cô giáo, Th.s Nguyễn Thị Mai Linh** – Giảng viên hướng dẫn, cùng với các cán bộ kế toán, nhân viên Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt, em đã vận dụng lý thuyết, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty, học tập thêm được những bài học và kinh nghiệm làm việc quý báu.

Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt như:

- Kiến nghị về việc đưa phần mềm kế toán vào công tác kế toán.
- Kiến nghị về hệ thống sổ chi tiết.
- Kiến nghị về trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Do thời gian thực tập có hạn và trình độ hiểu biết còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy, em rất mong được sự góp ý và giúp đỡ của các thầy cô, cùng cán bộ phòng kế toán công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh nói chung và ngành Kế toán – Kiểm toán trường đại học Dân lập Hải Phòng nói riêng, cũng như gửi lời cảm ơn đến cô Nguyễn Thị Mai Linh, và các cán bộ kế toán của Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt đã giúp đỡ em hoàn thành đợt thực tập cũng như bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (Năm 2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) — Hệ thống tài khoản kế toán, NXB Giao thông vận tải.
2. Bộ Tài chính (Năm 2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) –Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán, NXB Giao thông vận tải.
3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
4. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.
5. Thông tư 133/2016/TT- BTC ban hành ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính.
Tài liệu kế toán của Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt năm 2017.